

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Thông báo số 05/TB-HĐND ngày 13/02/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc kết luận Phiên họp thứ 26 Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IV; Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Thời gian qua, các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên của tỉnh triển khai thực hiện quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc kéo dài thời hạn áp dụng một phần Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND thực hiện đến năm học 2021-2022.

Ngày 27/8/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống

giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo thay thế Nghị định số 86/2015/NĐ-CP.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: “... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương”. Tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định: “Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội của cả nước và các chỉ số lạm phát, tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung và mức tăng học phí hằng năm không quá 7,5%/năm từ năm học 2023-2024”.

Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024 là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Tạo hành lang pháp lý cho việc triển khai thực hiện thu học phí từ năm học 2023-2024 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đảm bảo thống nhất, đúng quy định của pháp luật.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024 được Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Căn cứ các quy định của pháp luật và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024; tổ chức xin ý kiến góp ý của các Sở, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục, Ban Đại diện phụ huynh học sinh và đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trang Thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổng hợp, tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết và gửi Sở Tư pháp thẩm định (Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định chi tiết tại Báo cáo thẩm định số 14/BCTĐ-STP ngày 11/4/2023). Trên cơ sở Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 27/4/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức cuộc họp thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết lần 1 và giao Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục hoàn thiện, bổ sung một số quy định liên quan nhằm bảo đảm tính chặt chẽ, phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Được sự thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ngày 22/5/2023, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã tổ chức Hội nghị phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết; trên cơ sở các nội dung phản biện, Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận và thống nhất thông qua tại Phiên họp thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 07/6/2023.

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024 gồm có 3 Điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Mức thu học phí

Điều 3. Tổ chức thực hiện

2. Nội dung cơ bản

Nghị quyết quy định mức thu học phí từ năm học 2023-2024; Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí cho các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định; Nhà nước cấp trực tiếp tiền miễn, giảm học phí cho các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí theo quy định học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục; cơ sở giáo dục thường xuyên được áp dụng mức học phí bằng với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn; điều chỉnh tăng 5% từ năm học 2024-2025 trở đi; mức thu học phí trong trường hợp học trực tuyến (học online) và xác định các cơ sở giáo dục công lập theo khu vực để xác định mức thu học phí; quy định thời gian thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng, cụ thể như sau:

2.1. Xác định các cơ sở giáo dục công lập theo khu vực để xác định mức thu học phí, gồm 03 khu vực:

Quy định về khu vực, vùng áp dụng thu học phí: Áp dụng theo quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 cụ thể:

a) Khu vực III: Bao gồm các xã khu vực III tại Quyết định số 861/QĐ-TTg và các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND.

b) Khu vực II: Bao gồm các xã, thị trấn khu vực II theo Quyết định số 861/QĐ-TTg (trừ các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND).

c) Khu vực I: Các xã, phường, thị trấn còn lại theo Quyết định số 861/QĐ-TTg (trừ các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND).

d) Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập đóng tại xã, phường, thị trấn không có trong danh sách các khu vực theo Quyết định số 861/QĐ-TTg, thì mức thu học phí áp dụng bằng mức thu học phí tại cơ sở giáo dục ở khu vực I.

đ) Trường hợp thay đổi, điều chỉnh Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, thì áp dụng theo văn bản quy định mới.

2.2. Mức thu học phí trong năm học 2023-2024 (áp dụng mức thu của vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP):

- Đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thuộc khu vực III (Bao gồm các xã khu vực III tại Quyết định số 861/QĐ-TTg và các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND): Thu theo mức sàn của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

- Đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thuộc Khu vực II (Bao gồm các xã, thị trấn khu vực II theo Quyết định số 861/QĐ-TTg; trừ các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND): Mức thu tăng 10.000 đồng cho bậc học mầm non đến cấp trung học cơ sở (tương đương tăng 20% so với mức sàn của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP) và tăng 20.000 đồng đối với cấp trung học phổ thông (tương đương tăng 20% so với mức sàn của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP).

- Đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thuộc Khu vực I (Các xã, phường, thị trấn còn lại theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và 25 xã, phường, thị trấn không nằm trong Quyết định số 861/QĐ-TTg; trừ các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND): Mức thu tăng 20.000 đồng cho bậc học mầm non đến cấp trung học cơ sở (tương đương tăng 40% so với mức sàn của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP) và tăng 40.000 đồng đối với cấp trung học phổ thông (tương đương tăng 40% so với mức sàn của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP).

2.3. Nhà nước cấp trực tiếp tiền miễn, giảm học phí cho các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí theo quy định học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục theo mức học phí quy định tại khoản 1 Điều này.

2.4. Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên được áp dụng mức học phí bằng với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn.

2.5. Mức thu học phí từ năm học 2024-2025 trở đi:

Từ năm học 2024-2025 trở đi, mức thu học phí hằng năm được điều chỉnh tăng 5% so với mức thu năm liền kề trước quy định tại khoản 1 Điều này; được tính mức tăng 5% x mức thu 01 tháng/học sinh của học phí năm liền kề trước x 9 tháng và làm tròn đến đơn vị nghìn đồng. Trường hợp tăng trưởng kinh tế của địa phương thấp hơn 5%/năm, thì mức thu học phí thực hiện bằng mức thu học phí năm học liền trước.

2.6. Trường hợp học trực tuyến (học online), mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập bằng 40% mức học phí trực tiếp theo đối tượng áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 2 của Dự thảo Nghị quyết và làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

2.7. Trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng thì mức thu học phí thực hiện như sau:

- Nếu thời gian dạy học thực tế trong tháng từ 14 ngày trở xuống thì không thực hiện thu học phí.

- Nếu thời gian dạy học thực tế trong tháng từ 15 ngày trở lên nhưng không đủ một tháng thì thực hiện thu học phí 1/2 tháng bằng với mức học phí dạy học trực tuyến (học online) được quy định tại khoản 6 Điều 2 của Dự thảo Nghị quyết.

3. Báo cáo, giải trình một số nội dung quy định tại dự thảo Nghị quyết

a) Về nội dung phân khu vực

Cơ quan soạn thảo không áp dụng mức thu theo khu vực thành thị và nông thôn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, vì mức thu học phí quy định tại 02 vùng này rất cao so với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trên địa bàn tỉnh (*cụ thể: khu vực thành thị từ 300 đến 650 nghìn đồng/học sinh/tháng tùy vào cấp học từ mầm non đến trung học phổ thông; khu vực nông thôn từ 100 đến 330 nghìn đồng/học sinh/tháng tùy vào cấp học từ mầm non đến trung học phổ thông*).

Trên cơ sở quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, việc xây dựng mức thu học phí trên địa bàn tỉnh dựa trên mức thu học phí vùng dân tộc thiểu số và miền núi được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ và phân chia 3 khu vực thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi là phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương trên địa bàn tỉnh.

Việc phân chia đơn vị hành chính cấp xã theo 3 khu vực để đảm bảo phù hợp với Quyết định số 861/QĐ-TTg và thuận tiện trong quá trình thực hiện, cụ thể:

- Đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã, phường, thị trấn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi: Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021, tỉnh Đắk Nông có 46 xã, phường, thị trấn được công nhận thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (bao gồm 43 xã; phường Quảng Thành, thành phố Gia Nghĩa; thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nô và thị trấn Ea T'Ling, huyện Cư Jút).

- Đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã (không thuộc Quyết định số 861/QĐ-TTg): 17 xã còn lại trên địa bàn tỉnh.

- Đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các phường, thị trấn (không thuộc Quyết định số 861/QĐ-TTg): Có 08 phường, thị trấn (bao gồm 05 phường thuộc thành phố Gia Nghĩa và 03 thị trấn tại 03 huyện).

Việc phân chia 25 xã, phường, thị trấn không thuộc Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 4/6/2021 của Thủ Tướng chính phủ sau khi rà soát thì có 16 xã thuộc xã đạt chuẩn nông thôn mới được UBND tỉnh Đắk Nông công nhận (xã Đắk Sắk, Đức Minh, Đức Mạnh, Đắk Lao thuộc huyện Đắk Mil; xã Thuận Hạnh, Đắk Hòa, Nam Bình, Nam N'Jang thuộc huyện Đắk Song; xã Kiến Thành, Đắk Sin, Đạo Nghĩa, Nhân Cơ, Nhân Đạo, Nghĩa Thắng thuộc huyện Đắk R'Lấp; xã Đắk Rmoan, thành phố Gia Nghĩa; xã Nam Đà, huyện Krông Nô); như vậy, còn lại 09 xã, phường, thị trấn. Theo đề xuất của các địa phương, có 05 huyện, thành phố báo cáo, đề xuất 23 xã áp dụng khu vực I và 02 xã áp dụng khu vực II (05 huyện, thành phố có các xã, phường, thị trấn không thuộc Quyết định số 861/QĐ-TTg); qua rà soát, có 02 xã áp dụng khu vực II đã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (xã Đức Minh, Đắk Lao huyện Đắk Mil). Vì vậy, cơ quan soạn thảo đề xuất 25 xã, phường, thị trấn nêu trên áp dụng mức thu học phí theo Khu vực I là phù hợp với thực tế địa phương và phù hợp với Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND 25/4/2023 của HĐND tỉnh quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, năm học 2022-2023 đã ban hành.

(Phụ lục chi tiết các xã, phường, thị trấn theo khu vực gửi kèm)

b) Về nội dung từ năm học 2024-2025 trở đi, mức thu học phí điều chỉnh mỗi năm tăng 5% so với mức thu quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết, cơ sở đề xuất mức tăng như sau:

- Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, từ năm học 2023-2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm. Như vậy, việc đề xuất tăng 5% trong dự thảo Nghị quyết là phù hợp với quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Việc điều chỉnh mức học phí tăng 5% từ năm học 2024-2025 dự kiến thực hiện đến hết năm học 2026-2027, đảm bảo quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết được xuyên suốt; tránh việc hàng năm phải ban hành Nghị quyết điều chỉnh chỉ một nội dung.

- Tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2022 tăng 7,59% (số liệu qua các năm như sau: năm 2018 tăng 6,45%, năm 2019 tăng 6,37%, năm 2020 tăng 4,71%, năm 2021 tăng 8,72%, năm 2022 tăng 7,59%); chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2022 tăng 0,13% so với tháng trước, tăng 3,48% so với tháng 12 năm trước và tăng 9,04% so với kỳ gốc 2019; GRDP bình quân đầu người năm 2022 ước đạt 59,61 triệu đồng/người (Theo Niên giám thống kê năm 2022). Mặt khác, theo Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2021-2025 tỉnh Đắk Nông, thì tốc độ tăng trưởng nội tỉnh (GRDP) duy trì ổn định và bền vững, tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP bình quân giai đoạn ước đạt 5,92%, quy mô nền kinh tế tăng 1,34 lần; GRDP bình quân đầu người tăng từ 38,65 triệu đồng đầu giai đoạn lên 49,74 triệu đồng.

- Mức tăng học phí 5% từ năm học 2024-2025 dự kiến đến hết năm học 2026-2027 không vượt quá mức trần theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, cụ thể:

+ Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thuộc khu vực III: Đến năm học 2026-2027 tăng 15% so với năm học 2024-2025, với mức học phí tương đương 57.800 đồng/học sinh/tháng, đối với bậc mầm non và cấp tiểu học, trung học cơ sở; 115.700 đồng/học sinh/tháng đối với cấp trung học phổ thông.

+ Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thuộc Khu vực II: Đến năm học 2026-2027, tăng 15% so với năm học 2024-2025, với mức học phí tương đương 69.400 đồng/học sinh/tháng, đối với bậc mầm non và cấp tiểu học, trung học cơ sở; 138.900 đồng/học sinh/tháng đối với cấp trung học phổ thông.

+ Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thuộc Khu vực I: Đến năm học 2026-2027, tăng 15% so với năm học 2024-2025; với mức học phí tương đương 81.000 đồng/học sinh/tháng đối với bậc mầm non và cấp tiểu học, trung học cơ sở; 162.000 đồng/học sinh/tháng đối với cấp trung học phổ thông.

c) Về nội dung học trực tuyến (học online), mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập bằng 40% mức học phí trực tiếp theo đối tượng áp dụng quy định tại khoản 1 Điều này và làm tròn đến đơn vị nghìn đồng:

Đối với số tiền thu học phí (thuộc danh mục phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí): Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại thực hiện cải cách tiền lương khi thay đổi mức lương cơ sở của nhà nước (tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương) và sử dụng 60% nguồn thu học phí dùng để chi phục vụ cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí (văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí; khen thưởng; sửa chữa thường xuyên tài sản, máy móc, thiết bị trực tiếp phục vụ cho thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí; mua sắm vật tư, nguyên liệu liên quan đến việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí; trích khấu hao tài sản cố định để thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí; ...).

Như vậy, khi triển khai học trực tuyến thì chi phí chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí không có (chủ yếu là người dạy và một số trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ cho dạy học trực tuyến); do đó, cơ quan soạn thảo xây dựng

mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập bằng 40% mức học phí trực tiếp theo đối tượng áp dụng đã được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết đề dùng chi trả tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN: Không.

Trên đây là Tờ trình đề nghị thông qua Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

(Hồ sơ gửi kèm, gồm: Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo đánh giá tác động của Nghị quyết; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; Bản tổng hợp, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; Ý kiến góp ý của các Sở, ngành, đơn vị liên quan; bảng tổng hợp ý kiến góp ý của các đơn vị).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Sở: GD&ĐT, Tư pháp;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KGVX_(VN).

32

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Chiến

Phụ lục

DANH SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN THUỘC VÙNG ĐỒNG BẢO DTTS THUỘC KHU VỰC I, II, III THEO QUYẾT ĐỊNH 861/QĐ-TTg VÀ CÁC XÃ KHÔNG NẪM TRONG QUYẾT ĐỊNH 861/QĐ-TTg
(Kèm theo Tờ trình số 3208/TTr-UBND ngày 08/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

TT	Thôn, xã, huyện, tỉnh	Tổng số xã	Xã thuộc vùng DTTS theo Quyết định số 861/QĐ-TTg				25 xã, phường, thị trấn không thuộc Quyết định số 861/QĐ-TTg			Đề xuất xã, phường, thị trấn không thuộc Quyết định số 861/QĐ-TTg trình áp dụng học phí Khu vực I
			Cộng	Khu vực			Tổng số	Các xã đạt chuẩn nông thôn mới được công nhận	Các xã, phường, thị trấn còn lại	
				I	II	III				
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11
TOÀN TỈNH ĐẮK NÔNG		71	46	30	5	11	25	16	9	25
I	Huyện Đắk Mil	10	5	5	-	-	5	4	1	5
1	Xã Long Sơn		1	1	-	-	-	-		-
2	Xã Đắk Rlă		1	1	-	-	-	-		-
3	Xã Đắk Sắk		-	-	-	-	1	1		1
4	Xã Đức Minh		-	-	-	-	1	1		1
5	Xã Đức Mạnh		-	-	-	-	1	1		1
6	Xã Thuận An		1	1	-	-	-	-		-
7	Xã Đắk Lao		-	-	-	-	1	1		1
8	Thị trấn Đắk Mil		-	-	-	-	1	-	1	1
9	Xã Đắk Găn		1	1	-	-	-	-		-
10	Xã Đắk N' Drót		1	1	-	-	-	-		-
II	Huyện Tuy Đức	6	6	-	1	5	-	-	-	-
1	Xã Quảng Tâm		1	-	-	1	-	-		-
2	Xã Quảng Trục		1	-	-	1	-	-		-
3	Xã Quảng Tân		1	-	-	1	-	-		-
4	Xã Đắk Buk So		1	-	1	-	-	-		-
5	Xã Đắk Ngo		1	-	-	1	-	-		-
6	Xã Đắk R'Tiê		1	-	-	1	-	-		-
III	Huyện Đắk Song	9	4	3	1	-	5	4	1	5
1	Trường Xuân		1	-	1	-	-	-		-
2	Đắk N'Drông		1	1	-	-	-	-		-
3	Thị trấn Đức An		-	-	-	-	1	-	1	1
4	Xã Đắk Môt		1	1	-	-	-	-		-
5	Xã Thuận Hạnh		-	-	-	-	1	1		1
6	Xã Thuận Hà		1	1	-	-	-	-		-
7	Đắk Hòa		-	-	-	-	1	1		1
8	Xã Nam Bình		-	-	-	-	1	1		1
9	Xã Năm N'Jang		-	-	-	-	1	1		1
IV	Huyện Đắk Glông	7	7	1	-	6	-	-	-	-
1	Xã Quảng Khê		1	1	-	-	-	-		-
2	Xã Đắk Plao		1	-	-	1	-	-		-
3	Xã Đắk Som		1	-	-	1	-	-		-
4	Xã Đắk Ha		1	-	-	1	-	-		-
5	Xã Quảng Sơn		1	-	-	1	-	-		-
6	Xã Quảng Hòa		1	-	-	1	-	-		-
7	Xã Đắk R'Măng		1	-	-	1	-	-		-
V	Huyện Đắk R'Lấp	11	4	4	-	-	7	6	1	7
1	Xã Hưng Bình		1	1	-	-	-	-		-
2	Xã Kiến Thành		-	-	-	-	1	1		1
3	Xã Đắk Sin		-	-	-	-	1	1		1
4	Xã Đạo Nghĩa		-	-	-	-	1	1		1
5	Xã Nhân Cơ		-	-	-	-	1	1		1
6	Xã Đắk Ru		1	1	-	-	-	-		-
7	Xã Quảng Tín		1	1	-	-	-	-		-



TT	Thôn, xã, huyện, tỉnh	Tổng số xã	Xã thuộc vùng DTTS theo Quyết định số 861/QĐ-TTg			25 xã, phường, thị trấn không thuộc Quyết định số 861/QĐ-TTg			Đề xuất xã, phường, thị trấn không thuộc Quyết định số 861/QĐ-TTg trình áp dụng học phí Khu vực I	
			Cộng	Khu vực			Tổng số	Các xã đạt chuẩn nông thôn mới được công nhận		Các xã, phường, thị trấn còn lại
				I	II	III				
8	Xã Đăk Wer		1	1	-	-	-	-		
9	Thị trấn Kiến Đức		-	-	-	-	1	1		
10	Xã Nhân Đạo		-	-	-	-	1	1		
11	Xã Nghĩa Thắng		-	-	-	-	1	1		
VI	Thị xã Gia Nghĩa	8	2	2	-	-	6	5		
1	Xã Đăk Nia		1	1	-	-	-	-		
2	Xã Đăk R'Moan		-	-	-	-	1	1		
3	Phường Quảng Thành		1	1	-	-	-	-		
4	Phường Nghĩa Phú		-	-	-	-	1	1		
5	Phường Nghĩa Đức		-	-	-	-	1	1		
6	Phường Nghĩa Thành		-	-	-	-	1	1		
7	Phường Nghĩa Tân		-	-	-	-	1	1		
8	Phường Nghĩa Trung		-	-	-	-	1	1		
VII	Huyện Cư Jút	8	8	8	-	-	-	-		
1	Thị trấn Ea TLing		1	1	-	-	-	-		
2	Xã Nam Dong		1	1	-	-	-	-		
3	Xã Ea Pô		1	1	-	-	-	-		
4	Xã Cúk Nia		1	1	-	-	-	-		
5	Xã Đăk Wil		1	1	-	-	-	-		
6	Xã Tâm Thắng		1	1	-	-	-	-		
7	Xã Đăk Drông		1	1	-	-	-	-		
8	Xã Trúc sơn		1	1	-	-	-	-		
VIII	Huyện Krông Nô	12	10	7	3	-	2	1		
1	Xã Nam Đà		-	-	-	-	1	1		
2	Xã Nam Xuân		1	1	-	-	-	-		
3	Xã Năm Nung		1	1	-	-	-	-		
4	Xã Tân Thành		1	1	-	-	-	-		
5	Xã Đức Xuyên		-	-	-	-	1	1		
6	TT. Đăk Mâm		1	1	-	-	-	-		
7	Xã Đăk Sôr		1	1	-	-	-	-		
8	Xã Buôn Choah		1	-	1	-	-	-		
9	Xã Năm N'Đir		1	1	-	-	-	-		
10	Xã Quảng Phú		1	-	1	-	-	-		
11	Xã Đăk Nang		1	-	1	-	-	-		
12	Xã Đăk Drô		1	1	-	-	-	-		

* Ghi chú: theo Danh sách các xã đạt chuẩn nông thôn mới chi tiết từng huyện và căn cứ Điều 3 của Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021: "Các xã khu vực III, khu vực II đã được phê duyệt tại Quyết định này nếu được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới sẽ được xác định là xã khu vực I và thôi hưởng các chính sách áp dụng đối với xã khu vực III, khu vực II kể từ ngày Quyết định của cấp có thẩm quyền công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới có hiệu lực"



Số: /2023/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày tháng 7 năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức thu học phí từ năm học 2023-2024 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục công lập).

2. Đối tượng áp dụng:

- Các cơ sở giáo dục công lập thực hiện thu học phí.
- Trẻ em mầm non, học sinh, học viên (sau đây gọi chung là người học) tham gia học tập tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Mức thu học phí

1. Mức học phí năm học 2023-2024 (*Mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên*) như sau:

Khu vực	Mức thu học phí (ĐVT: đồng/tháng/học sinh)			Thời gian thu
	Mầm non	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	
Khu vực I	70.000	70.000	140.000	Thu 9 tháng/ năm học
Khu vực II	60.000	60.000	120.000	
Khu vực III	50.000	50.000	100.000	

- Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí cho các đối tượng học sinh tiểu học tự thực thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định được áp dụng mức học phí như sau: khu vực I: 70.000 đồng/tháng/học sinh; khu vực II: 60.000 đồng/tháng/học sinh; khu vực III: 50.000 đồng/tháng/học sinh.

2. Quy định về khu vực, vùng áp dụng thu học phí: Áp dụng theo quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 cụ thể:

a) Khu vực III: Bao gồm các xã khu vực III tại Quyết định số 861/QĐ-TTg và các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND.

b) Khu vực II: Bao gồm các xã, thị trấn khu vực II theo Quyết định số 861/QĐ-TTg (*trừ các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND*).

c) Khu vực I: Các xã, phường, thị trấn còn lại theo Quyết định số 861/QĐ-TTg (*trừ các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND*).

d) Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập đóng tại xã, phường, thị trấn không có trong danh sách các khu vực theo Quyết định số 861/QĐ-TTg, thì mức thu học phí áp dụng bằng mức thu học phí tại cơ sở giáo dục ở khu vực I.

đ) Trường hợp Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 có thay đổi, điều chỉnh thì áp dụng theo văn bản quy định mới.

3. Nhà nước cấp trực tiếp tiền miễn, giảm học phí cho các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí theo quy định học tại các cơ sở giáo dục

mầm non dân lập, tư thực, cơ sở giáo dục phổ thông tư thực theo mức học phí quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên được áp dụng mức học phí bằng với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn.

5. Từ năm học 2024-2025 trở đi, mức thu học phí hằng năm được điều chỉnh tăng 5% so với mức thu năm liền kề trước quy định tại khoản 1 Điều này; được tính mức tăng 5% x mức thu 01 tháng/học sinh của học phí năm liền kề trước x 9 tháng và làm tròn đến đơn vị nghìn đồng; trường hợp tăng trưởng kinh tế của địa phương thấp hơn 5%/năm thì mức thu học phí thực hiện bằng mức thu học phí năm học liền trước.

6. Trường hợp học trực tuyến (học online), mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập bằng 40% mức học phí trực tiếp theo đối tượng áp dụng quy định tại khoản 1 Điều này và làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

7. Trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng thì mức thu học phí thực hiện như sau:

- Nếu thời gian dạy học thực tế trong tháng từ 14 ngày trở xuống thì không thực hiện thu học phí.

- Nếu thời gian dạy học thực tế trong tháng từ 15 ngày trở lên nhưng không đủ một tháng thì thực hiện thu học phí 1/2 tháng bằng với mức học phí dạy học trực tuyến (học online) được quy định tại khoản 6 Điều 2.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa IV, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu-UBTVQH;
- Các Bộ: GD&ĐT, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy; Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban Đảng của Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh, các đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành và đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đắk Nông và Đài PH&TH tỉnh, Công báo tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh; Trung tâm Lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Báo Đắk Nông, Đài PT&TH Đắk Nông;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH

Lưu Văn Trung

Số: 353 /BC-UBND

Đắk Nông, ngày 08 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục
phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
từ năm học 2023-2024

Thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông báo cáo đánh giá tác động của việc quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024, cụ thể như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẤP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng Nghị quyết về việc quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024.

a) Tình hình thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2015-2016 đến năm học 2022-2023

Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2021-2022, các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh thực hiện việc quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ và Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh Đắk Nông; Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND về việc kéo dài thời hạn áp dụng một phần Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND. Việc triển khai thực hiện đầy đủ các chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đã góp phần bảo đảm công bằng trong giáo dục, cùng với ngân sách nhà nước để đầu tư cho giáo dục; qua đó, sự nghiệp giáo dục ngày càng phát triển đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập của con em các dân tộc trong tỉnh.

Đối với năm học 2022-2023, căn cứ Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 25/4/2023 quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo

dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, năm học 2022-2023.

b) Sự cần thiết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024

Ngày 27/8/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và thay thế Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: “... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương”; tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định: “Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội của cả nước và các chỉ số lạm phát, tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung và mức tăng học phí hằng năm không quá 7,5%/năm từ năm học 2023-2024”.

Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024 là cần thiết và phù hợp.

d) Cơ sở pháp lý để ban hành Nghị quyết

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

2. Mục tiêu xây dựng Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh từ năm học 2023-2024

Tạo hành lang pháp lý cho việc triển khai thu học phí tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh từ năm học 2023-2024; đồng thời, xây dựng theo nguyên tắc chia sẻ giữa Nhà nước và người học, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa

bàn dân cư, khả năng đóng góp thực tế của người dân và tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm của địa phương.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Nội dung chính sách

Nghị quyết này quy định mức thu học phí từ năm học 2023-2024 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; xác định các cơ sở giáo dục công lập theo khu vực để xác định mức thu học phí, cụ thể:

1.1. Quy định về khu vực, vùng áp dụng thu học phí, gồm 03 khu vực

Áp dụng theo quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, cụ thể:

- Khu vực III: Bao gồm các xã khu vực III tại Quyết định số 861/QĐ-TTg và các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND.

- Khu vực II: Bao gồm các xã, thị trấn khu vực II theo Quyết định số 861/QĐ-TTg (trừ các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND).

- Khu vực I: Các xã, phường, thị trấn còn lại theo Quyết định số 861/QĐ-TTg (trừ các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND).

- Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập đóng tại xã, phường, thị trấn không có trong danh sách các khu vực theo Quyết định số 861/QĐ-TTg thì mức thu học phí áp dụng bằng mức thu học phí tại cơ sở giáo dục ở khu vực I.

- Trường hợp thay đổi, điều chỉnh Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 thì áp dụng theo văn bản quy định mới.

1.2. Mức học phí:

PHƯƠNG ÁN 1: Thu ở mức sàn theo điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

1.2.1. Mức học phí năm học 2023-2024 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên như sau:

Khu vực	Mức thu học phí (ĐVT: đồng/tháng/học sinh)			Thời gian thu
	Mầm non	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	
Khu vực III	50.000	50.000	100.000	Thu 9 tháng/năm học
Khu vực II	60.000	60.000	120.000	
Khu vực I	70.000	70.000	140.000	

(So sánh mức thu học phí năm học 2023-2024 tăng so với mức thu năm học 2022-2023 tại Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 25/4/2023: theo phụ lục I gửi kèm).

- Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí cho các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định được áp dụng mức học phí như sau: khu vực I: 70.000 đồng/tháng/học sinh; khu vực II: 60.000 đồng/tháng/học sinh; khu vực III: 50.000 đồng/tháng/học sinh.

1.2.2. Nhà nước cấp trực tiếp tiền miễn, giảm học phí cho các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí theo quy định học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục theo mức học phí quy định tại khoản 1 Điều này.

1.2.3. Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên được áp dụng mức học phí bằng với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn.

1.2.4. Từ năm học 2024-2025 trở đi, mức thu học phí hằng năm được điều chỉnh tăng 5% so với mức thu năm liền kề trước quy định tại khoản 1 Điều này; được tính mức tăng 5% x mức thu 01 tháng/học sinh của học phí năm liền kề trước x 9 tháng và làm tròn đến đơn vị nghìn đồng. Trường hợp tăng trưởng kinh tế của tỉnh thấp hơn 5%/năm thì mức thu học phí thực hiện bằng mức thu học phí năm học liền trước.

1.2.5. Trường hợp học trực tuyến (học online), mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập bằng 40% mức học phí trực tiếp theo đối tượng áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 2 của dự thảo Nghị quyết và làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

1.2.6. Trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng thì mức thu học phí thực hiện như sau:

- Nếu thời gian dạy học thực tế trong tháng từ 14 ngày trở xuống thì không thực hiện thu học phí.

- Nếu thời gian dạy học thực tế trong tháng từ 15 ngày trở lên nhưng không đủ một tháng thì thực hiện thu học phí 1/2 tháng bằng với mức học phí dạy học trực tuyến (học online) được quy định tại khoản 6 Điều 2 của dự thảo Nghị quyết.

PHƯƠNG ÁN 2: Mức thu bình quân theo điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

Mức học phí năm học 2023-2024 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên như sau:

Cơ sở giáo dục công lập theo khu vực	Mức thu học phí (ĐVT: đồng/tháng/học sinh)			Thời gian thu
	Mầm non	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	
Khu vực III	80.000	110.000	160.000	Thu 9 tháng/năm học
Khu vực II	95.000	130.000	180.000	
Khu vực I	110.000	150.000	220.000	

(So sánh mức thu học phí năm học 2023-2024 tăng so với mức thu năm học 2022-2023 theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 25/4/2023: theo phụ lục II gửi kèm).

- Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí cho các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định được áp dụng mức học phí như sau: Khu vực I: 110.000 đồng/tháng/học sinh; khu vực II: 95.000 đồng/tháng/học sinh; khu vực III: 80.000 đồng/tháng/học sinh.

* Đối với các nội dung khác quy định giống **phương án 1**.

PHƯƠNG ÁN 3: Thu ở mức trần theo điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

Mức học phí năm học 2023-2024 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên như sau:

Khu vực	Mức thu học phí (ĐVT: đồng/tháng/học sinh)			Thời gian thu
	Mầm non	THCS	THPT	
Khu vực III	110.000	170.000	220.000	Thu 9 tháng/năm học
Khu vực II	120.000	180.000	230.000	
Khu vực I	130.000	190.000	240.000	

(So sánh mức thu học phí năm học 2023-2024 tăng so với mức thu năm học 2022-2023 theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 25/4/2023: theo phụ lục III gửi kèm).

- Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí cho các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy

định được áp dụng mức học phí như sau: Khu vực I là 130.000 đồng/tháng/học sinh, Khu vực II là 120.000 đồng/tháng/học sinh, Khu vực III là 110.000 đồng/tháng/học sinh.

* Đối với các nội dung khác quy định giống phương án 1.

2. Xác định vấn đề

Thực hiện khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và để phù hợp với điều kiện kinh tế của từng địa bàn dân cư, khả năng đóng góp thực tế của Nhân dân, cùng với ngân sách nhà nước đảm bảo chi phí cho các hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập.

3. Mục tiêu

Ban hành mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024 đảm bảo phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, qua đó để căn cứ triển khai thực hiện.

4. Đề xuất giải quyết vấn đề

Sau khi xem xét 03 phương án nêu trên, dự kiến mức thu theo các phương án trong năm học 2023-2024, cụ thể:

a) Phương án 1

- Học sinh mầm non: thu học phí trong một năm học dự kiến 450.000 đồng - 630.000 đồng/học sinh/năm học (*năm học tính 9 tháng*) tùy vào khu vực.

- Học sinh tiểu học tư thục có các đối tượng đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định được nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí dự kiến 450.000 đồng - 630.000 đồng/học sinh/năm học (*năm học tính 9 tháng*) tùy vào khu vực.

- Học sinh trung học cơ sở: thu học phí trong một năm học dự kiến 450.000 đồng - 630.000 đồng/học sinh/năm học (*năm học tính 9 tháng*) tùy vào khu vực.

- Học sinh trung học phổ thông: thu học phí trong một năm học dự kiến 900.000 đồng - 1.260.000 đồng/học sinh/năm học (*năm học tính 9 tháng*) tùy vào khu vực.

b) Phương án 2

- Học sinh mầm non: thu học phí trong một năm học dự kiến 720.000 đồng - 990.000 đồng/học sinh/năm học (*năm học tính 9 tháng*) tùy vào khu vực.

- Học sinh tiểu học tư thục có các đối tượng đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí dự kiến 720.000 đồng - 990.000 đồng/học sinh/năm học (*năm học tính 9 tháng*) tùy vào khu vực.

- Học sinh trung học cơ sở: thu học phí trong một năm học dự kiến 990.000 đồng - 1.350.000 đồng/học sinh/năm học (*năm học tính 9 tháng*) tùy vào khu vực.

- Học sinh trung học phổ thông: thu học phí trong một năm học dự kiến 1.440.000 đồng - 1.980.000 đồng/học sinh/năm học (*năm học tính 9 tháng*) tùy vào khu vực.

c) Phương án 3

- Học sinh mầm non: thu học phí trong một năm học dự kiến 990.000 đồng - 1.170.000 đồng/học sinh/năm học (*năm học tính 9 tháng*) tùy vào khu vực.

- Học sinh tiểu học tư thục có các đối tượng đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định được nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí dự kiến 990.000 đồng - 1.170.000 đồng/học sinh/năm học (*năm học tính 9 tháng*) tùy vào khu vực.

- Học sinh trung học cơ sở: thu học phí trong một năm học dự kiến 1.530.000 đồng - 1.710.000 đồng/học sinh/năm học (*năm học tính 9 tháng*) tùy vào khu vực.

- Học sinh trung học phổ thông: thu học phí trong một năm học dự kiến 1.980.000 đồng - 2.160.000 đồng/học sinh/năm học (*năm học tính 9 tháng*) tùy vào khu vực.

Sau khi xem xét kỹ lưỡng các phương án 1, 2 và 3, thì mức thu học phí theo phương án 1 là phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh và khả năng cân đối kinh phí chi trả của người học. Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất phương án 1 và xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024 trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành làm căn cứ thực hiện.

5. Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách

Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh; phụ huynh học sinh từ bậc học mầm non đến phổ thông và học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên.

6. Kiến nghị

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023 - 2024 làm cơ sở pháp lý để các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo cơ quan soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến trên cổng thông tin điện tử; lấy ý kiến bằng văn bản đối với các cơ quan, tổ chức có liên quan, các địa phương và các đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính

sách là phụ huynh học sinh (*thông qua Ban Đại diện cha mẹ học sinh tại các cơ sở giáo dục*); thực hiện tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

- Cơ quan tổ chức thi hành chính sách: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan giám sát đánh giá chính sách: Hội đồng nhân dân tỉnh.

V. PHỤ LỤC: Các phụ lục kèm theo.

VI. MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC

1. Về nội dung phân khu vực

Cơ quan soạn thảo không áp dụng chia theo khu vực thành thị và nông thôn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP vì mức thu học phí quy định tại 02 vùng này rất cao so với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trên địa bàn tỉnh (*cụ thể: khu vực thành thị từ 300-650 nghìn đồng/học sinh/tháng tùy vào cấp học từ mầm non đến trung học phổ thông; khu vực nông thôn từ 100-330 nghìn đồng/học sinh/tháng tùy vào cấp học từ mầm non đến trung học phổ thông*).

Trên cơ sở quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, việc xây dựng mức thu học phí trên địa bàn tỉnh dựa trên mức thu học phí vùng dân tộc thiểu số và miền núi được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ và phân chia 3 khu vực thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi là phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương trên địa bàn tỉnh.

Việc phân chia đơn vị hành chính cấp xã theo 3 khu vực để đảm bảo phù hợp với Quyết định số 861/QĐ-TTg và thuận tiện trong quá trình thực hiện, cụ thể:

- Đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã, phường, thị trấn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi: Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg, tỉnh Đắk Nông có 46 xã, phường, thị trấn được công nhận thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (*bao gồm 43 xã; phường Quảng Thành, thành phố Gia Nghĩa; thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nô và thị trấn Ea T'Ling, huyện Cư Jút*).

- Đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các xã (*không thuộc Quyết định số 861/QĐ-TTg*): 17 xã còn lại trên địa bàn tỉnh.

- Đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn các phường, thị trấn (*không thuộc Quyết định số 861/QĐ-TTg*): Có 08 phường, thị trấn (*bao gồm 05 phường thuộc thành phố Gia Nghĩa và 03 thị trấn tại 03 huyện*).

Việc phân chia 25 xã, phường, thị trấn không thuộc Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 4/6/2021 của Thủ Tướng chính phủ sau khi rà soát thì có 16 xã thuộc xã đạt chuẩn nông thôn mới được UBND tỉnh Đắk Nông công nhận

(*xã Đắc SẮk, ĐứC Minh, ĐứC Mạnh, Đắk Lao huyện Đắk Mil; Xã Thuận Hạnh, Đắk Hòa, Nam Bình, Nám N'Jang huyện Đắk Song; Xã Kiến Thành, Đắk Sin, Đạo Nghĩa, Nhân Cơ, Nhân Đạo, Nghĩa Thắng huyện Đắk Rắp; Xã Đắk Rmoan thành phố Gia Nghĩa; Xã Nam Đà huyện Krông Nô*), như vậy, còn lại 9 xã, phường, thị trấn. Sau khi thực hiện rà soát, 5 huyện, thành phố có các xã, phường, thị trấn không thuộc Quyết định số 861/QĐ-TTg đề xuất 23 xã áp dụng khu vực I và 02 xã áp dụng khu vực II; qua rà soát, 02 xã áp dụng khu vực II (*xã ĐứC Minh, Đắk Plao huyện Đắk Mil*) đã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới. Do đó, cơ quan soạn thảo đề xuất 25 xã, phường, thị trấn nêu trên áp dụng mức thu học phí theo Khu vực I là phù hợp với thực tế địa phương và phù hợp với Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND 25/4/2023 của HĐND tỉnh Đắk Nông đã ban hành (***Chi tiết theo phụ IV đính kèm***).

2. Về nội dung từ năm học 2024-2025 trở đi, mức thu học phí điều chỉnh mỗi năm tăng 5% so với mức thu quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết được xây dựng trên các cơ sở sau:

- Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, từ năm học 2023-2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm. Như vậy, việc đề xuất tăng 5% trong dự thảo Nghị quyết là phù hợp với quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Việc điều chỉnh mức học phí tăng 5% từ năm học 2024-2025 dự kiến thực hiện đến hết năm học 2026-2027, đảm bảo quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết được xuyên suốt; tránh việc hằng năm phải ban hành Nghị quyết điều chỉnh chỉ một nội dung.

- Tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2022 tăng 7,59% (*số liệu qua các năm như sau: năm 2018 tăng 6,45%; năm 2019 tăng 6,37%; năm 2020 tăng 4,71%; năm 2021 tăng 8,72%; năm 2022 tăng 7,59%*); Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 năm 2022 tăng 0,13% so với tháng trước, tăng 3,48% so với tháng 12 năm trước và tăng 9,04% so với kỳ gốc 2019; GRDP bình quân đầu người năm 2022 ước đạt 59,61 triệu đồng/người (*Niên giám thống kê năm 2022*). Mặt khác, theo Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Đắk Nông thì tốc độ tăng trưởng nội tỉnh (GRDP) duy trì ổn định và bền vững, tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP bình quân giai đoạn ước đạt 5,92%, quy mô nền kinh tế tăng 1,34 lần; GRDP bình quân đầu người tăng từ 38,65 triệu đồng đầu giai đoạn lên 49,74 triệu đồng.

- Mức tăng học phí 5% từ năm học 2024-2025 dự kiến đến hết năm học 2026-2027 không vượt quá mức trần theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, cụ thể:

+ Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thuộc khu vực III: Đến năm học 2026-2027 tăng 15% so với năm học 2024-2025; với mức học phí tương đương 57.800 đồng/học sinh/tháng đối với bậc mầm non và cấp tiểu học, trung học cơ sở; 115.700 đồng/học sinh/tháng đối với cấp trung học phổ thông.

+ Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thuộc Khu vực II: Đến năm học 2026-2027, tăng 15% so với năm học 2024-2025; với mức học phí tương đương 69.400 đồng/học sinh/tháng, đối với bậc mầm non và cấp tiểu học, trung học cơ sở; 138.900 đồng/học sinh/tháng đối với cấp trung học phổ thông.

+ Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thuộc Khu vực I: Đến năm học 2026-2027, tăng 15% so với năm học 2024-2025 với mức học phí tương đương 81.000 đồng/học sinh/tháng đối với bậc mầm non và cấp tiểu học, trung học cơ sở; 162.000 đồng/học sinh/tháng đối với cấp trung học phổ thông.

3. Về nội dung học trực tuyến (học online), mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập bằng 40% mức học phí trực tiếp theo đối tượng áp dụng quy định tại khoản 1 Điều này và làm tròn đến đơn vị nghìn đồng:

Đối với số tiền thu học phí (*thuộc danh mục phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí*): Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại thực hiện cải cách tiền lương khi thay đổi mức lương cơ sở của nhà nước (*tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương*) và sử dụng 60% nguồn thu học phí dùng để chi phục vụ cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí (*văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí; khen thưởng; sửa chữa thường xuyên tài sản, máy móc, thiết bị trực tiếp phục vụ cho thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí; mua sắm vật tư, nguyên liệu liên quan đến việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí; trích khấu hao tài sản cố định để thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí; ...*).

Như vậy, khi triển khai học trực tuyến thì chi phí chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí không có (*chủ yếu là người dạy và một số trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ cho dạy học trực tuyến*). Do đó, cơ quan soạn thảo xây dựng mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập bằng 40% mức học phí trực tiếp theo đối tượng áp dụng đã được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết để dùng chi trả tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương.

4. Đối với nội dung tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: “*Ở các địa bàn có khả năng xã hội hóa cao, căn cứ chính sách phát triển giáo dục của Nhà nước và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định khung học phí hoặc mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (gồm cả cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập) trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành bảo đảm mức thu học phí tương xứng với chất lượng dịch vụ giáo dục đồng thời phải bảo đảm thực hiện*

các mục tiêu giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành”.

Để thực hiện nhiệm vụ chủ trương xã hội hóa giáo dục để giảm áp lực biên chế, ngày 12/7/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 3853/UBND-KGVX về việc xây dựng Đề án, lộ trình xã hội hóa các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh; Ngày 27/7/2022, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Công văn số 1191/SGDĐT-TCCBTC về việc đề xuất xây dựng lộ trình xã hội hóa giáo dục trên địa bàn tỉnh theo nội dung Công văn số 3853/UBND-KGVX; sau khi các đơn vị báo cáo ngày 04/8/2022, Sở Nội vụ tổ chức họp về nội dung xây dựng đề án lộ trình xã hội hóa các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh (Theo Giấy mời số 46/GM-SNV ngày 02/8/2022 của Sở Nội vụ về việc xây dựng Đề án, lộ trình xã hội hóa các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh), theo đó trong cuộc họp thống nhất ban hành văn bản đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện. Ngày 27/9/2022, Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành văn bản (Công văn số 1530/SGDĐT-TCCBTC ngày 27/9/2022 và Công văn số 07/SGDĐT-TCCBTC ngày 04/01/2023) xin ý kiến Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện chuyển đổi mô hình các cơ sở giáo dục mầm non, trung học phổ thông từ công lập ra ngoài công lập ở những nơi có khả năng xã hội hóa cao.

Ngày 09/02/2023, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Công văn số 445/BGDĐT-GDTrH hướng dẫn thực hiện chuyển đổi mô hình các cơ sở giáo dục mầm non, trung học phổ thông từ công lập ra ngoài công lập, tư thục (Công văn số 445/BGDĐT-GDTrH kèm theo). Theo ý kiến trả lời của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Luật Giáo dục 2019 không quy định chuyển đổi mô hình các cơ sở giáo dục mầm non, trung học phổ thông từ công lập ra ngoài công lập; do đó, không có cơ sở tham mưu xây dựng Đề án, lộ trình xã hội hóa các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh và hiện nay các cơ sở giáo dục trên các địa bàn có điều kiện kinh tế phát triển (thành phố Gia Nghĩa; thị trấn Kiến Đức huyện Đắk R'Lấp; Thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil; Thị trấn Ea T'Ling, huyện Cư Jút) sẽ nghiên cứu thực hiện lộ trình xã hội hóa khi có cơ chế, văn bản hướng dẫn của Trung ương.

5. Đối với nội dung tại Khoản 6 Điều 9 Nghị định số 81 “...Đối với các loại hình giáo dục thường xuyên khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt mức thu cụ thể phù hợp với từng loại hình đào tạo và điều kiện thực tế của từng địa bàn”

Theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Giáo dục 2019 “Cơ sở giáo dục thường xuyên bao gồm: Trung tâm giáo dục thường xuyên; Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; Trung tâm học tập cộng đồng; Trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên”. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có Trung tâm giáo dục thường xuyên; Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện dạy chương trình giáo dục phổ thông theo quy định của Nhà nước; Trung tâm Học tập cộng đồng tại các xã đang hoạt động, thực hiện chương trình quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 43 của Luật Giáo dục 2019 “Chương trình xóa mù chữ; Chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của

người học; cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ”; Trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 43 của Luật Giáo dục 2019 “Chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học; cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ; Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp”. Do đó, cơ quan soạn thảo không đưa nội dung cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông vào Nghị quyết.

6. Đối với nội dung tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập tại địa phương”.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 119 trường tiểu học công lập tại 71/71 xã, phường, thị trấn đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập của học sinh tại địa phương; vì vậy, không có nội dung học sinh tiểu học học tại các trường tư thục ở địa bàn không đủ trường tiểu học công lập để thực hiện hỗ trợ đóng học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, do đó, cơ quan soạn thảo không đưa nội dung này vào trong dự thảo Nghị quyết. Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, trường hợp có phát sinh nội dung nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ báo cáo, đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh Nghị quyết cho phù hợp với thực tế.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024././

Nơi nhận:

- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở: GD&ĐT, Tư pháp;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KGVX_(VN).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Chiến



Phụ lục I

SO SÁNH MỨC TĂNG HỌC PHÍ

Sử dụng mức sàn theo điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

(Kèm theo Báo cáo số 353/BC-UBND ngày 08/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Cấp học	Khu vực I				Khu vực II				Khu vực III			
	Mức thu theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 25/4/2023	Mức thu dự kiến năm học 2023-2024	Mức thu dự kiến tăng so với năm học 2022-2023	Mức thu theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 25/4/2023	Mức thu dự kiến năm học 2023-2024	Mức thu dự kiến tăng so với năm học 2022-2023	Mức thu theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 25/4/2023	Mức thu dự kiến năm học 2023-2024	Mức thu dự kiến tăng so với năm học 2022-2023			
Mầm non	30	70	40	15	60	45	8	50	42	625		
Tiểu học	0	70	70	0	60	60	0	50	50			
THCS	35	70	35	20	60	40	10	50	40	500		
THPT	45	140	95	30	120	90	25	100	75	400		



SƠ SÁNH MỨC TĂNG HỌC PHÍ

Sử dụng trung bình theo điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

(Kèm theo Báo cáo số 353/BC-UBND ngày 08/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Mức thu học phí (ngàn đồng/học sinh/tháng)

Cấp học	Khu vực I				Khu vực II				Khu vực III			
	Mức thu theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 25/4/2023	Mức thu dự kiến năm học 2023-2024	Mức thu dự kiến tăng so với năm học 2022-2023	Số tiền %	Mức thu theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 25/4/2023	Mức thu dự kiến năm học 2023-2024	Mức thu dự kiến tăng so với năm học 2022-2023	Số tiền %	Mức thu theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 25/4/2023	Mức thu dự kiến năm học 2023-2024	Mức thu dự kiến tăng so với năm học 2022-2023	Số tiền %
Mầm non	30	110	80	367	15	95	80	633	8	80	72	1.000
Tiểu học	0	110	110		0	95	95		0	80	80	
THCS	35	150	115	429	20	130	110	650	10	110	100	1.100
THPT	45	220	175	489	30	180	150	600	25	160	135	640

9



Phụ lục III
SƠ SÁNH MỨC TĂNG HỌC PHÍ

Sử dụng mức cao tối đa theo điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

(Kèm theo Báo cáo số 353/BC-UBND ngày 08/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Mức thu học phí (ngàn đồng/học sinh/tháng)

Cấp học	Khu vực I			Khu vực II			Khu vực III		
	Mức thu theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 25/4/2023	Mức thu dự kiến năm học 2023-2024	Mức thu dự kiến tăng so với năm học 2022-2023	Mức thu theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 25/4/2023	Mức thu dự kiến năm học 2023-2024	Mức thu dự kiến tăng so với năm học 2022-2023	Mức thu theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 25/4/2023	Mức thu dự kiến năm học 2023-2024	Mức thu dự kiến tăng so với năm học 2022-2023
Mầm non	30	130	100	15	120	105	8	110	102
Tiểu học	0	130	130	0	120	120	0	110	110
THCS	35	190	155	20	180	160	10	170	160
THPT	45	240	195	30	230	200	25	220	195
			533			767			880

Số: 937 /SGDDĐT-TCCBTC
V/v giải trình nội dung theo Công
văn số 1306/MTTQ-BTT ngày
26/5/2023 của Ủy ban Mặt trận Tổ
quốc tỉnh Đắk Nông

Đắk Nông, ngày 29 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Đắk Nông

Sở Giáo dục và Đào tạo nhận được Công văn số 1306/MTTQ-BTT ngày 26/5/2023 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Đắk Nông về việc ý kiến phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023 – 2024; sau khi xem xét các nội dung, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo tiếp thu, điều chỉnh các nội dung, cụ thể như sau:

1. Vấn đề 1

- Nội dung kiến nghị: Theo dự thảo Nghị quyết, các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh được phân chia 3 khu vực theo Quyết định 861/QĐ-TTg và các xã, phường thị trấn không có trong danh sách theo Quyết định này cũng được xếp ở 02 khu vực tương tự. Như vậy, sẽ gây khó hiểu, rườm rà cho việc áp dụng nghị quyết và cũng gây mất thời gian tra cứu văn bản liên quan để áp dụng Nghị quyết. Đề nghị cơ quan soạn thảo xếp rõ các xã phường, thị trấn vào từng khu vực cụ thể (bao gồm cả khu vực quy định theo Quyết định 861/QĐ-TTg, ngày 4/6/2021 của Thủ Tướng chính phủ và khu vực không có trong danh sách theo Quyết định này).

- Lý do: Để đảm bảo thống nhất, cụ thể, dễ hiểu và dễ áp dụng

Giải trình

- Trên cơ sở quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg, việc xây dựng mức thu học phí trên địa bàn tỉnh dựa trên mức thu học phí vùng dân tộc thiểu số và miền núi được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ và phân chia 3 khu vực thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi là phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương trên địa bàn tỉnh. Việc phân chia đơn vị hành chính cấp xã theo 3 khu vực để đảm bảo phù hợp với Quyết định số 861/QĐ-TTg và thuận lợi trong quá trình thực hiện.

- Hiện nay, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND được ban hành, các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện thu học phí năm học 2022-2023 không gặp khó khăn khi xác định vùng theo quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg.

- Tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 14/BCTĐ-STP ngày 11/4/2023 và Thông báo số 536/TB-VPUBND ngày 28/4/2023 của Văn phòng UBND tỉnh; cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh phù hợp với thực tế của địa phương trong việc xác định 25 xã, phường, thị trấn không thuộc Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 4/6/2021 của Thủ Tướng chính, cụ thể:

Trong 25 xã, phường, thị trấn không thuộc Quyết định số 861/QĐ-TTg; sau khi rà soát, có 16 xã thuộc xã đạt chuẩn nông thôn mới được UBND tỉnh Đắk Nông công nhận (*xã Đăk Săk, Đúc Minh, Đúc Mạnh, Đăk Lao huyện Đăk Mil; xã Thuận Hạnh, Đăk Hòa, Nam Bình, Nam N'Jang huyện Đăk Song; xã Kiến Thành, Đăk Sin, Đạo Nghĩa, Nhân Cơ, Nhân Đạo, Nghĩa Thắng huyện Đăk R'Lấp; xã Đăk Rmoan thành phố Gia Nghĩa; xã Nam Đà huyện Krông Nô*); còn lại 09 xã, phường, thị trấn. Sau khi tổng hợp đề xuất các địa phương (theo Công văn số 738/SGDDT-TCCBTC ngày 05/5/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất vùng áp dụng thu học phí đối với các xã, phường, thị trấn không có trong danh sách các khu vực theo Quyết định số 861/QĐ-TTg), có 05 huyện, thành phố báo cáo đề xuất: 23 xã áp dụng khu vực I và 02 xã áp dụng khu vực II; qua rà soát, có 02 xã áp dụng khu vực II đã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (*xã Đúc Minh, Đăk Lao huyện Đăk Mil*); vì vậy, cơ quan soạn thảo đề xuất 25 xã, phường, thị trấn nêu trên áp dụng mức thu học phí theo Khu vực I là phù hợp với đề xuất nhu cầu thực tế địa phương và phù hợp với Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND 25/4/2023 của HĐND tỉnh Đắk Nông đã ban hành.

2. Vấn đề 2

- Nội dung kiến nghị: Tại dự thảo nghị quyết - Điều 2. Mức thu học phí, mục 1. Mức học phí 2023-2024 (*Mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên*).

Đề nghị quyết rõ ràng, tránh hiểu lầm khi thực hiện, đề nghị không quy định thu học phí đối với đối tượng giáo dục tiểu học trong khung học phí. Căn cứ để hỗ trợ tiền học phí cho đối tượng học sinh tiểu học tự thực nên có văn bản riêng.

- Lý do: Đây là đối tượng không phải đóng học phí theo quy định Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Giải trình

Tiếp thu ý kiến phản biện của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Đắk Nông, cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh trong dự thảo Nghị quyết.

3. Vấn đề 3

- Nội dung kiến nghị: Cần đưa vào Nghị quyết nội dung cụ thể về việc học sinh học trái tuyến, nơi học và nơi cư trú không cùng khu vực (ví dụ, người học cư trú ở khu vực III mà học ở khu vực I và ngược lại).

- Lý do: Để dễ triển khai, áp dụng nghị quyết và đảm bảo quyền lợi người học.

Giải trình

Theo dự thảo Nghị quyết, thì mức thu học phí thực hiện theo nơi đóng chân hoạt động của cơ sở giáo dục công lập; nếu như thực tế có những trường hợp học sinh cư trú ở khu vực III nhưng học tại cơ sở giáo dục đóng trên địa bàn xã khu vực I, thì việc thu học phí thực hiện theo mức thu tại Khu vực I. Vì vậy, cơ quan

soạn thảo không đưa nội dung cụ thể về việc học sinh học trái tuyến, nơi học và nơi cư trú không cùng khu vực vào trong dự thảo Nghị quyết.

4. Vấn đề 4

- Nội dung kiến nghị: Đề nghị điều chỉnh khung học phí từ năm học 2023 – 2024” cho phù hợp và không quá chênh lệch với khung học phí năm học 2022 -2023 mà Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND đã quy định.

- Lý do: Tại dự thảo Nghị quyết “Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024” thì khung học phí đã được điều chỉnh tăng hơn 100% ở khối THCS, thậm chí tăng hơn 300% đối với THPT so với Nghị quyết thu học phí năm học 2022-2023.

Giải trình

- Theo điểm a khoản 1 của Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023, có nội dung đối với các cơ sở giáo dục chưa tự bảo đảm chi thường xuyên: “Giữ ổn định mức thu học phí năm học 2022-2023 bằng mức thu học phí năm học 2021-2022 do Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành áp dụng tại địa phương”; vì vậy, ngày 25/4/2023, HĐND tỉnh Đắk Nông ban hành Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND về quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, năm học 2022-2023; mức thu quy định tại Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND giữ nguyên theo mức thu tại Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về việc kéo dài thời hạn áp dụng một phần Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND.

- Mặt khác, ngày 27/8/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 81/2021/NĐ-CP thay thế Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 (Nghị định số 86/2015/NĐ-CP quy định khung học phí từ 8.000 đến 60.000 đồng/tháng/học sinh và có hiệu lực đến hết năm học 2020-2021), Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định khung học phí vùng dân tộc thiểu số và miền núi từ 50.000 đến 220.000 đồng/tháng/học sinh; cụ thể:

+ Đối với bậc mầm non từ 50.000 đồng - 110.000 đồng (tăng 625% so với Nghị định số 86/2015/NĐ-CP; lấy mức tối thiểu để tính 50.000 đồng/8.000 đồng);

+ Đối với cấp THCS từ 50.000 - 170.000 đồng/tháng/học sinh (tăng 625% so với Nghị định số 86/2015/NĐ-CP; lấy mức tối thiểu để tính 50.000 đồng/8.000 đồng);

+ Đối với cấp THPT từ 100.000 đến 220.000 đồng/tháng/học sinh (tăng 1.250% so với Nghị định số 86/2015/NĐ-CP; lấy mức tối thiểu để tính 100.000 đồng/8.000 đồng).

Như vậy, mức học phí quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP tăng rất cao so với Nghị định số 86/2015/NĐ-CP; mặt khác, mức học phí năm học 2022-2023 giữ nguyên mức thu học phí năm học 2021-2022 và các năm học trước đây theo Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND cho nên mức thu thấp; xây dựng mức thu theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, dẫn đến mức thu từ năm học 2023-2024 cao hơn so với năm học 2022-2023.

5. Vấn đề 5

- Nội dung kiến nghị: Đề nghị xây dựng khung học phí ở mức dưới sàn hoặc tiệm cận sàn khung học phí theo quy định của Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

- Lý do: Từ thực tế điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn, mức thu nhập đầu người của Đắk Nông còn rất thấp (Theo số liệu của Tổng Cục thống kê thì năm 2022, GDP đầu người của Đắk Nông đứng thứ 41/63 tỉnh thành, chỉ đạt 2562 USD/4110 USD trung bình cả nước). Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ nêu rõ là từ năm học 2023-2024 trở đi khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương nhưng không vượt trần theo quy định. Như vậy, khung học phí chỉ quy định không vượt trần chứ không quy định tối thiểu bằng sàn. Việc xây dựng khung học phí bằng hoặc dưới sàn như năm học 2022-2023 là phù hợp.

Giải trình

- Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định “*Khung học phí (mức sàn - mức trần) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên, như sau:*

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng

Vùng	Năm học 2022 - 2023			
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Thành thị	Từ 300 đến 540	Từ 300 đến 540	Từ 300 đến 650	Từ 300 đến 650
Nông thôn	Từ 100 đến 220	Từ 100 đến 220	Từ 100 đến 270	Từ 200 đến 330
Vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Từ 50 đến 110	Từ 50 đến 110	Từ 50 đến 170	Từ 100 đến 220

Như vậy, Chính phủ quy định rõ **mức sàn - trần**, nên cơ quan soạn thảo xây dựng tối thiểu ở mức sàn là đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội.

- Đối với điểm 3 khoản 3 Điều 9 quy định “*Căn cứ khung học phí quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu học phí cụ thể nhưng không vượt mức trần quy định*”; trên cơ sở đó, cơ quan soạn thảo xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định mức tăng học phí từ năm học 2023-2024 trở đi không vượt quá mức trần được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

6. Vấn đề 6

- Nội dung kiến nghị: Đề nghị điều chỉnh mức thu học phí với đối tượng học sinh THPT theo hướng thu hẹp khoảng cách mức thu giữa các khu vực.

Lý do: Thực tế thu nhập và mức sống giữa các khu vực không quá nhiều khác biệt.

Giải trình

- Thứ nhất, cơ quan soạn thảo đã dự kiến thu ở mức sàn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để áp dụng.

- Thứ hai, cơ quan soạn thảo nhận thấy mức thu dự kiến theo dự thảo là phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương.

- Thứ ba, các cơ quan, địa phương, đơn vị khi tham gia cho ý kiến, đều đồng ý với mức thu theo dự thảo Nghị quyết.

Vì vậy, mức thu học phí tại dự thảo Nghị quyết nêu trên là phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương.

7. Vấn đề 7

- Nội dung kiến nghị: Đề nghị không thu học phí hoặc thu bằng mức học online đối với thời gian học từ 15 ngày trở lên nhưng không đủ tháng trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh và các sự kiện bất khả kháng.

- Lý do: Ví dụ: học 20 ngày, trong đó học trực tiếp 10 ngày và học online 10 ngày. Như vậy, việc xác định thời gian học để tính học phí là rất khó khăn (chưa kể đến trường hợp đang học trực tiếp phải cho học sinh nghỉ vì lý do bất khả kháng hoặc việc không thống nhất giữa các phụ huynh...).

Giải trình

Tiếp thu ý kiến phản biện của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Đắk Nông, cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh trong dự thảo Nghị quyết.

8. Vấn đề 8

- Nội dung kiến nghị: Cần theo dõi cập nhật kịp thời khi Nghị định số 81/2021/NĐ-CP có sửa đổi, bổ sung để áp dụng phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương

- Lý do: Theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà tại Thông báo số 176/TB-VPCP, ngày 15/5/2023 của Văn phòng Chính phủ về vấn đề học phí và

sách giáo khoa cho năm học mới, theo đó Phó Thủ trưởng đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

Giải trình

Tiếp thu ý kiến phản biện của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Đắk Nông, cơ quan soạn thảo sẽ theo dõi, cập nhật kịp thời khi Nghị định số 81/2021/NĐ-CP có sửa đổi, bổ sung để tham mưu áp dụng phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương

Trên đây là một số nội dung Sở Giáo dục và Đào tạo đã tiếp thu, điều chỉnh, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết và giải trình theo Công văn số 1306/MTTQ-BTT ngày 26/5/2023 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Đắk Nông, kính đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Đắk Nông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Đắk Nông (để b/cáo);
- Ban VH-XH, HĐND tỉnh (để b/cáo);
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Lưu: VT, TCCB-TC(Dt).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phan Thanh Hải

Số 306/MTTQ-BTT

Đắk Nông, ngày 22 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông

Căn cứ: Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015; Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP- ĐCTUBTWMTTQVN, ngày 15/6/ 2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Thông tri số 23/TTr-MTTW-BTT, ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về hướng dẫn quy trình giám sát và quy trình phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam; Thông báo số 1664-TB/TU, ngày 12/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thống nhất chủ trương cho Ủy ban MTTQ tỉnh tổ chức phản biện xã hội.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Đắk Nông đã tổ chức Hội nghị phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết “Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023 – 2024”.

Tham dự Hội nghị có đại diện HĐND, UBND tỉnh, Ban Thường trực MTTQ Việt Nam tỉnh, lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội, lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông và một số phòng chuyên môn liên quan, Hội Khuyến học, các Hội đồng tư vấn của MTTQ tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ các huyện và thành phố Gia Nghĩa, Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh, Báo Đắk Nông, Báo Đại Đoàn kết dự và đưa tin. Có 05 tham luận gửi đến hội nghị và 12 lượt ý kiến phát biểu tại hội nghị.

Trên cơ sở các tham luận và ý kiến tại Hội nghị, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Đắk Nông tổng hợp và có kiến nghị đối với dự thảo Nghị quyết “Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023 – 2024” như sau:

I. MỘT SỐ Ý KIẾN CHUNG

Các ý kiến đều nhất trí việc ban hành Nghị quyết “Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023 – 2024” là cần thiết, phù hợp

với Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập.

Nghị quyết khi được thông qua sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc triển khai thực hiện thu học phí từ năm học 2023-2024 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, đảm bảo thống nhất, đúng quy định của pháp luật.

Dự thảo tờ trình và dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh đã đảm bảo các căn cứ pháp lý (Luật Giáo dục, Luật tổ chức chính quyền địa phương và Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ).

Công tác chuẩn bị xây dựng dự thảo nghị quyết được tiến hành nghiêm túc, với những công việc cụ thể như: lấy ý kiến đề xuất, kiến nghị của các sở, ban ngành cấp tỉnh; UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các huyện, thành phố; Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục, Ban Đại diện phụ huynh học sinh và đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trang Thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo. Từ đó cho thấy, Sở Giáo dục và Đào tạo đã coi trọng thực tiễn khi xây dựng dự thảo tờ trình và dự thảo nghị quyết, thể hiện sự công tâm, dân chủ, trách nhiệm cao của cơ quan tham mưu soạn thảo. Nội dung tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo nghị quyết được xây dựng công phu, có bố cục cơ bản chặt chẽ, logic, cấu trúc của dự thảo nghị quyết phù hợp với quy định của pháp luật.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỤ THỂ

Vấn đề 1

- Nội dung kiến nghị: Theo dự thảo Nghị quyết các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh được phân chia 3 khu vực theo Quyết định 861/QĐ-TTg, ngày 4/6/2021 của Thủ Tướng chính phủ và các xã, phường thị trấn không có trong danh sách theo Quyết định này cũng được xếp ở 02 khu vực tương tự. Như vậy, sẽ gây khó hiểu, rườm rà cho việc áp dụng nghị quyết và cũng gây mất thời gian tra cứu văn bản liên quan để áp dụng Nghị quyết. Đề nghị cơ quan soạn thảo xếp rõ các xã phường, thị trấn vào từng khu vực cụ thể (bao gồm cả khu vực quy định theo Quyết định 861/QĐ-TTg, ngày 4/6/2021 của Thủ Tướng chính phủ và khu vực không có trong danh sách theo Quyết định này).

- Lý do: Để đảm bảo thống nhất, cụ thể, dễ hiểu và dễ áp dụng

Vấn đề 2

- Nội dung kiến nghị: Tại dự thảo nghị quyết - Điều 2. Mức thu học phí, mục 1. Mức học phí 2023-2024 (*Mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tu bảo đảm chi thường xuyên*).

Đề nghị quyết rõ ràng, tránh hiểu lầm khi thực hiện, đề nghị không quy định thu học phí đối với đối tượng giáo dục tiểu học trong khung học phí. Căn cứ để hỗ trợ tiền học phí cho đối tượng học sinh tiểu học tư thục nên có mục riêng.

- Lý do: Đây là đối tượng không phải đóng học phí theo quy định Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Vấn đề 3

- Nội dung kiến nghị: Cần đưa vào Nghị quyết nội dung cụ thể về việc học sinh học trái tuyến, nơi học và nơi cư trú không cùng khu vực (VD: người học cư trú ở khu vực III mà học ở khu vực I và ngược lại).

- Lý do: Để dễ triển khai, áp dụng nghị quyết và đảm bảo quyền lợi người học.

Vấn đề 4

- Nội dung kiến nghị: Đề nghị điều chỉnh khung học phí từ năm học 2023 – 2024” cho phù hợp và không quá chênh lệch với khung học phí năm học 2022 - 2023 mà Nghị quyết số 01, ngày 25/4/2023 của HĐND tỉnh đã quy định.

- Lý do: Tại dự thảo Nghị quyết “Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023 – 2024” thì khung học phí đã được điều chỉnh tăng hơn 100% ở khối THCS, thậm chí tăng hơn 300% đối với THPT so với Nghị quyết thu học phí năm học 2022-2023.

Vấn đề 5

- Nội dung kiến nghị: Đề nghị xây dựng khung học phí ở mức dưới sàn hoặc tiệm cận sàn khung học phí theo quy định của Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

- Lý do: Từ thực tế điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn, mức thu nhập đầu người của Đắk Nông còn rất thấp (Theo số liệu của tổng cục thống kê thì năm 2022, GDP đầu người của Đắk Nông đứng thứ 41/63 tỉnh thành, chỉ đạt 2562 USD/4110 USD trung bình cả nước). Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ nêu rõ là từ năm học 2023-2024 trở đi khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương nhưng không vượt trần theo quy định. Như vậy, khung học phí chỉ quy định không vượt trần chứ không quy định tối thiểu bằng sàn. Việc xây dựng khung học phí bằng hoặc dưới sàn như năm học 2022-2023 là phù hợp.

Vấn đề 6

- Nội dung kiến nghị: Đề nghị điều chỉnh mức thu học phí với đối tượng học sinh THPT theo hướng thu hẹp khoảng cách mức thu giữa các khu vực

Lý do: Thực tế thu nhập và mức sống giữa các khu vực không quá nhiều khác biệt

Vấn đề 7

- Nội dung kiến nghị: Đề nghị không thu học phí hoặc thu bằng mức học online đối với thời gian học từ 15 ngày trở lên nhưng không đủ tháng trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh và các sự kiện bất khả kháng.

- Lý do: Ví dụ: học 20 ngày, trong đó học trực tiếp 10 ngày và học online 10 ngày. Như vậy, việc xác định thời gian học để tính học phí là rất khó khăn (chưa kể đến trường hợp đang học trực tiếp phải cho học sinh nghỉ vì lý do bất khả kháng hoặc việc không thống nhất giữa các phụ huynh...)

Vấn đề 8

- Nội dung kiến nghị: Cần theo dõi cập nhật kịp thời khi nghị định 81/2021/NĐ-CP có sửa đổi, bổ sung để áp dụng phù hợp với tình hình thực tế địa phương

- Lý do: Theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà tại Thông báo số 176/TB-VPCP, ngày 15/5/2023 của Văn phòng Chính phủ về vấn đề học phí và sách giáo khoa cho năm học mới, theo đó Phó Thủ tướng đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung nghị định 81/2021/NĐ-CP.

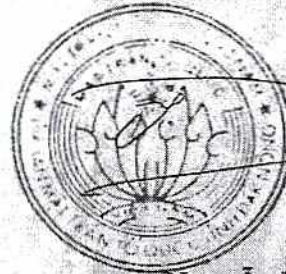
Đề nghị cơ quan soạn thảo phản hồi bằng văn bản các nội dung kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trước ngày 31/5/2023.

Nơi nhận:

- Ủy ban TW MTTQ VN (B/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- HĐND, UBND tỉnh (ph/h);
- Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh;
- Ban Thường trực MTTQ tỉnh;
- MTTQ các huyện, thành phố;
- Lưu VT, DC-PL



TM. BAN THƯỜNG TRỰC
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Phú Nghị

Số: 625 /SGDDĐT-TCCBTC
V/v tiếp thu, giải trình các nội dung
theo Báo cáo thẩm định số 14/BCTĐ-
STP ngày 11/4/2023 của Sở Tư pháp

Đắk Nông, ngày 18 tháng 4 năm 2023

Kính gửi: UBND tỉnh Đắk Nông

Sở Giáo dục và Đào tạo nhận được Báo cáo số 14/BCTĐ-STP ngày 11/4/2023 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết về việc quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024 (gọi tắt Báo cáo số 14/BCTĐ-STP); sau khi nghiên cứu các nội dung thẩm định, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo tiếp thu, giải trình cụ thể như sau:

1. Đối với nội dung: Sự cần thiết ban hành; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo nghị quyết

Sau khi nghiên cứu, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, bổ sung điều, khoản quy định cụ thể về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng trong dự thảo Nghị quyết.

2. Đối với nội dung: Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân quy định chi tiết; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật

Sau khi nghiên cứu, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, điều chỉnh một số nội dung trong dự thảo Nghị quyết, như sau:

a) Về nội dung tại khoản 1 Điều 2: Mức đóng học phí thực hiện theo nơi đóng chân hoạt động của cơ sở giáo dục công lập; thực tế có những trường hợp học sinh cư trú ở khu vực I nhưng học tại cơ sở giáo dục đóng trên địa bàn xã khu vực III, thì việc thu học phí thực hiện theo mức thu tại Khu vực III.

b) Về nội dung tại điểm c, khoản 2 Điều 2 cần bổ sung thêm quy định: “trừ các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND”: Tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

c) Về nội dung tại điểm đ, khoản 2 Điều 2: Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg, tỉnh Đắk Nông có 46 xã, phường, thị trấn được công nhận thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (bao gồm 43 xã; 03 phường, thị trấn, cụ thể: phường Quảng Thành, thành phố Gia Nghĩa; thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nông và thị trấn Ea T’Ling, huyện Cư Jút); còn lại 25 xã phường thị trấn; trong đó: có 17 xã, 08 phường, thị trấn (các phường thị trấn bao gồm: 05 phường thuộc thành phố Gia Nghĩa và 03 thị trấn tại 03 huyện) không nằm trong Quyết định số 861/QĐ-TTg áp dụng mức thu khu vực I, cơ bản đảm bảo về điều kiện kinh tế tại các xã, phường thị trấn; mặt khác,

theo góp ý dự thảo Nghị quyết của các địa phương, đơn vị (hầu hết) thống nhất nội dung nêu tại điểm đ, khoản 2 Điều 2 của dự thảo Nghị quyết.

d) Về nội dung tại khoản 3 Điều 2: Sau khi xem xét các nội dung, cơ quan soạn thảo có ý kiến như sau:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 21 “Nhà nước cấp trực tiếp tiền miễn, giảm học phí cho các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học tư thục; cấp trực tiếp tiền hỗ trợ đóng học phí cho gia đình học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục tư thục ở địa bàn không đủ trường công lập theo mức học phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên tương ứng với từng vùng, từng cấp học...”; như vậy, việc nhà nước cấp tiền miễn giảm học phí cho các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông tư thục và hỗ trợ đóng học phí cho gia đình học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục tư thục ở địa bàn không đủ trường công lập sẽ được áp dụng mức thu học phí quy định tại khoản 1 Điều 2 của Dự thảo Nghị quyết.

Mặt khác, tại nội dung thứ 2 khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP có nội dung: “Khung học phí đối với giáo dục tiểu học công lập quy định tại điểm này dùng làm căn cứ để Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định”; vì vậy, việc quy định các nội dung tại khoản 3 Điều 2 của dự thảo Nghị quyết là đầy đủ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2 và khoản 3 Điều 20 Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

đ) Về nội dung tại khoản 5 Điều 2: Sau khi xem xét các nội dung, cơ quan soạn thảo có ý kiến như sau:

- Thứ nhất, theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, từ năm học 2023-2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm. Như vậy, việc đề xuất tăng 5% trong dự thảo Nghị quyết là phù hợp với quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Thứ hai, việc điều chỉnh mức học phí tăng 5% từ năm học 2024-2025 dự kiến thực hiện đến hết năm học 2026-2027, đảm bảo quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết được xuyên suốt; tránh việc hằng năm phải ban hành Nghị quyết điều chỉnh chỉ một nội dung.

- Thứ ba, mức tăng học phí 5% từ năm học 2024-2025 đến hết năm học 2026-2027, sẽ không vượt quá mức trần theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, cụ thể:

+ Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thuộc khu vực III: Đến năm học 2026-2027, tăng 15% so với năm học 2024-2025; với mức học phí tương đương là 57.500 đồng/học sinh/tháng, đối với bậc mầm non và cấp tiểu học, trung học cơ sở; 115.000 đồng/học sinh/tháng đối với cấp trung học phổ thông.

+ Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thuộc Khu vực II: Đến năm học 2026-2027, tăng 15% so với năm học 2024-2025; với mức học phí tương đương là 69.000 đồng/học sinh/tháng, đối với bậc mầm non và cấp tiểu học, trung học cơ sở; 138.000 đồng/học sinh/tháng đối với cấp trung học phổ thông.

+ Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thuộc Khu vực I: Đến năm học 2026-2027, tăng 20% so với năm học 2024-2025; với mức học phí tương đương 80.500 đồng/học sinh/tháng đối với bậc mầm non và cấp tiểu học, trung học cơ sở; 161.000 đồng/học sinh/tháng đối với cấp trung học phổ thông.

- Thứ tư, mức tăng 5% khi áp dụng sẽ tính ra con số chẵn để các cơ sở giáo dục thuận tiện và thống nhất trong việc triển khai thu học phí.

e) Về nội dung tại khoản 7 Điều 2: Tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

3. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

a) Đối với nội dung dự thảo Nghị quyết:

Sau nghi nghiên cứu, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, điều chỉnh lại một số nội dung, cách trình bày,... trong dự thảo Nghị quyết theo nội dung thẩm định tại Báo cáo số 14/BCTĐ-STP.

b) Đối với nội dung dự thảo Tờ trình:

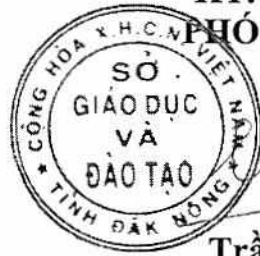
Sau nghi nghiên cứu, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, điều chỉnh lại nội dung, thể thức, kỹ thuật trình bày theo đúng nội dung thẩm định tại Báo cáo số 14/BCTĐ-STP.

Trên đây là một số nội dung tiếp thu, điều chỉnh, bổ sung, giải trình đối với dự thảo Nghị quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo theo Báo cáo số 14/BCTĐ-STP, kính đề nghị UBND tỉnh Đắk Nông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp (để biết);
- Giám đốc Sở GDĐT (để b/cáo);
- Lưu: VT, TCCB-TC (ĐD).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Sĩ Thành

Số: 14 /BCTĐ-STP

Đắk Nông, ngày 11 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024

Thực hiện quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 485/SGDĐT-TCCBTC về việc thẩm định dự thảo Tờ trình, Nghị quyết HĐND tỉnh Đắk Nông và các văn bản có liên quan của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông, Sở Tư pháp tiến hành thẩm định dự thảo Nghị quyết với những nội dung chính như sau:

1. Sự cần thiết ban hành; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo nghị quyết

a) Sự cần thiết ban hành:

Thời gian qua, các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên của tỉnh thực hiện việc quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh Đắk Nông; Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND về việc kéo dài thời hạn áp dụng một phần Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND.

Tuy nhiên, Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bởi Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: “...Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình **Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương**”.

Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: “*Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội của cả nước và các chỉ số lạm phát, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung và mức tăng học phí hàng năm không quá 7,5%/năm từ năm học 2023 - 2024; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học công lập xác định mức học phí tương ứng với mức độ tự chủ tài chính và kiểm định chất lượng theo quy định tại khoản 2 Điều 10 và khoản 2 Điều 11, mức tăng học phí không quá 12,5%/năm từ năm học 2026 - 2027*”.

Đồng thời, Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND về việc kéo dài thời hạn áp dụng một phần Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh Đắk Nông cũng chỉ kéo dài thời hạn áp dụng quy định về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông **đến hết năm học 2021-2022**.

Do đó, việc cơ quan soạn thảo tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về việc Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024 là cần thiết và phù hợp.

b) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết:

* Về phạm vi điều chỉnh:

- Tại khoản 1 Điều 1 quy định: “*Nghị quyết này quy định mức thu học phí từ năm học 2023-2024 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện, Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Ngoại ngữ, Tin học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục công lập)*”.

Việc quy định cụ thể các cơ sở giáo dục thường xuyên như dự thảo là không đầy đủ, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Giáo dục 2019 thì còn có các cơ sở giáo dục thường xuyên khác như: Trung tâm học tập cộng đồng; Trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên. Và hiện nay trên địa bàn tỉnh Đắk Nông cũng có nhiều Trung tâm học tập cộng đồng tại các xã đang hoạt động (chẳng hạn 6/6 xã huyện Tuy Đức đều có Trung tâm học tập cộng đồng, Trung tâm học tập cộng đồng xã Tân Thành huyện Krông Nông,...). Do đó, theo ý kiến của cơ quan thẩm định cơ quan soạn thảo nên xem xét quy định ngắn gọn, đầy đủ là “*cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh*”.

- Tại khoản 2 Điều 1 bổ sung đối tượng áp dụng là các cơ sở giáo dục công lập thu học phí cho đầy đủ.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân quy định chi tiết; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024 là phù hợp với thẩm quyền của HĐND tỉnh được quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Giáo dục năm 2019; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; các văn bản có liên quan và điều kiện thực tế tại địa phương.

Tuy nhiên, về nội dung cần xem xét thêm một số vấn đề sau:

- Tại Điều 2 về mức thu học phí cần xem xét một số nội dung sau:

+ Khoản 1 Điều 1: cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu để quy định cho rõ ràng, thống nhất về nội dung: mức đóng học phí thực hiện theo nơi đóng cơ sở giáo dục công lập hay theo nơi cư trú của người học tránh khó khăn, vướng mắc khi thực hiện trên thực tế (Theo như dự thảo nghị quyết thì việc đóng học phí theo nơi đóng cơ sở giáo dục công lập, vậy trên thực tế có những trường hợp học sinh cư trú ở khu vực I nhưng học ở khu vực III thì việc thu học phí như thế nào?).

+ Tại điểm c, khoản 2 cần bổ sung thêm quy định: *“trừ các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND”* cho đầy đủ.

+ Tại điểm đ, khoản 2 quy định: *“Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập đóng tại xã, phường, thị trấn không có trong danh sách các khu vực theo Quyết định số 861/QĐ-TTg thì mức thu học phí áp dụng bằng mức thu học phí tại cơ sở giáo dục ở khu vực I”*. Theo như quy định có nghĩa là những cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập nằm ngoài 46 xã vùng dân tộc thiểu số, miền núi theo Quyết định số 861/QĐ-TTg sẽ có mức thu bằng nhau và bằng với mức thu học phí tại các xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi. Về mức thu như vậy có đảm bảo phù hợp hay không trong khi các xã còn lại bao gồm cả xã thuộc khu vực I (xã đang ở mức độ có bước đầu phát triển) và xã thuộc khu vực II (xã đang khó khăn) có sự chênh nhau về điều kiện kinh tế, phát triển nhưng mức thu học phí lại bằng nhau? Do đó cơ quan soạn thảo cần rà soát, phân loại để đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện.

- Khoản 3 Điều 2 quy định chi quy định việc miễn, giảm tiền học phí cho đối tượng là học sinh tiểu học thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền học theo học tại các trường tư thục cần xem lại cho đầy đủ, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định 81/2021/NĐ-CP: “...Nhà nước cấp trực tiếp tiền miễn, giảm học phí cho các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học tư thục;...”. Đồng thời việc quy định “được hỗ trợ 100%” cho tất cả các đối tượng được miễn, giảm, hỗ trợ học phí... cần có sự đánh giá, xem xét cho phù hợp, khách quan hơn.

- Khoản 5, Điều 2 quy định: “Từ năm học 2024-2025 trở đi, mức thu học phí hằng năm được điều chỉnh tăng 5% so với mức thu quy định tại Khoản 1 Điều này; được tính mức tăng 5% hằng tháng x 9 tháng và làm tròn đến đơn vị nghìn đồng”. Việc quy định như trên cần xem xét cho phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ:

“Điều 9. Học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông.”

3. Khung học phí từ năm học 2023 -2024 trở đi:

“a) Năm học 2023 - 2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm;

b) Căn cứ khung học phí quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu học phí cụ thể nhưng không vượt mức trần quy định”.

Như vậy, theo quy định trên thì hàng năm Chính phủ sẽ điều chỉnh khung học phí và trên cơ sở khung học phí này địa phương mới quyết định mức thu học phí cụ thể. Ngoài ra, mức học phí cũng phải trên cơ sở đánh giá việc thực hiện, điều kiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân thì mới tham mưu HĐND ban hành nghị quyết quy định mức học phí các năm học sau. Nếu quy định cứng mức tăng cho các năm học sau là 5% thì sẽ không đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện vì điều kiện phát triển kinh tế xã hội của mỗi năm sẽ không giống nhau. Do đó, cơ quan soạn thảo cần rà soát, nghiên cứu nội dung này.

- Tại khoản 7, Điều 2 quy định: “Quy định thời gian thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên

trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng: Đối với các tháng có **thời gian dạy học thực tế không đủ cả tháng**, trường hợp thời gian dạy học thực tế trong tháng dưới 14 ngày (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu học phí 1/2 tháng; trường hợp thời gian dạy học thực tế trong tháng từ 14 ngày trở lên (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu đủ tháng (tương ứng với mức học phí của từng vùng, từng cấp học và hình thức học thực tế). **Đảm bảo nguyên tắc tổng số tháng thu học phí không vượt quá 9 tháng/năm học**". Cơ quan soạn thảo cần xem xét việc quy định thời gian dạy học thực tế có bao gồm cả thời gian tổ chức dạy học trực tuyến hoặc bố trí thời gian học bù tại trường hay không, vì theo quy định tại khoản 2, Điều 12 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: "*Trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng thì học phí được thu theo số tháng học thực tế (bao gồm cả thời gian tổ chức dạy học trực tuyến hoặc bố trí thời gian học bù tại trường); không thu học phí trong thời gian không tổ chức dạy học*".

Ngoài ra, cần nghiên cứu thêm quy định tại Điều 17 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để quy định cho phù hợp, thống nhất, đảm bảo quyền lợi chính đáng của đối tượng có liên quan:

“Điều 17. Không thu học phí có thời hạn

Khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng do cơ quan có thẩm quyền công bố; tùy theo mức độ và phạm vi thiệt hại, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định không thu học phí trong thời hạn nhất định đối với trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông công lập, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông thuộc vùng bị thiên tai, dịch bệnh, vùng xảy ra các sự kiện bất khả kháng.”

Tóm lại, cơ quan soạn thảo cần rà soát lại các quy định theo hướng: nếu quy định chi tiết thì phải đảm bảo thống nhất; chính xác với các văn bản của cấp trên. Cần thuyết minh, giải trình cụ thể về cơ sở pháp lý, thực tiễn,... về mức thu để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Cơ quan soạn thảo cần rà soát lại lỗi chính tả cho phù hợp với ngôn ngữ tiếng Việt, đồng thời trình bày văn bản theo đúng quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; Mẫu số 16 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, cụ thể:

a) Đối với dự thảo Nghị quyết:

- Đề nghị không viết hoa từ “khoản” trước từ Điều tại khoản 3, khoản 5 Điều 2, trừ trường hợp viết hoa đầu dòng.

- Tại phần Nơi nhận đề nghị rà soát, tránh trùng lặp (*Báo Đắk Nông và Đài PH&TH tỉnh*).

b) Đối với dự thảo Tờ trình:

- Nội dung Tờ trình cần trình bày đầy đủ nội dung theo Mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

- Thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo Tờ trình cần thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

4. Kết luận chung

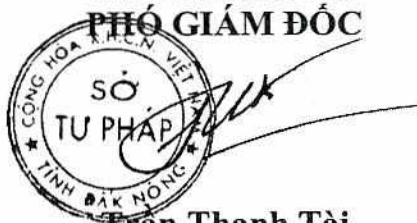
Việc tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024 là đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh và cần thiết. Tuy nhiên về nội dung, cơ quan soạn thảo cần xem xét, nghiên cứu những vấn đề mà Sở Tư pháp nêu tại mục 1, 2, 3 của Báo cáo thẩm định này từ đó tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo trước khi trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

Trên đây là nội dung Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024; cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Giáo dục và Đào tạo (t/h);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VBPL(D).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thanh Tài

Số: 106 /BC-SGDĐT

Đắk Nông, ngày 21 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, địa phương, đơn vị và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp về xây dựng dự thảo Nghị quyết

Thực hiện khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Thông báo số 05/TB-HĐND ngày 13/02/2023 của HĐND tỉnh về việc kết luận Phiên họp thứ 26 Thường trực HĐND tỉnh khóa IV và Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 23/02/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc triển khai thực hiện các nội dung trình tại kỳ họp Chuyên đề lần thứ 7 và Kỳ họp thứ 6 HĐND tỉnh khóa IV, nhiệm kỳ 2021-2026; Sở Giáo dục và Đào tạo đã chủ động xây dựng dự thảo Nghị quyết về việc quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ năm học 2023-2024.

Ngày 20/02/2023, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Công văn số 244/SGDĐT-TCCBTC xin ý kiến góp ý của các sở, ngành, địa phương, đơn vị về các hồ sơ liên quan đến dự thảo Nghị quyết (*danh sách gửi xin ý kiến bao gồm: Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh; các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; UBMTTQVN các huyện, thành phố; UBND các huyện, thành phố; Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố; các đơn vị trực thuộc và Cổng thông tin điện tử của tỉnh*). Đến hết ngày 26/3/2023, Sở Giáo dục và Đào tạo nhận được 20 ý kiến góp ý của các sở, ngành, địa phương, đơn vị về hồ sơ liên quan đến dự thảo Nghị quyết. Qua ý kiến góp ý của các sở, ngành, địa phương, đơn vị, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp ý kiến góp ý tại Báo cáo số 75/BC-SGDĐT ngày 27/3/2023.

Ngày 27/03/2023, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Công văn số 485/SGDĐT-TCCBTC về việc thẩm định dự thảo Tờ trình, Nghị quyết HĐND tỉnh Đắk Nông gửi Sở Tư pháp thẩm định và đã được thẩm định tại Báo cáo số 14/BCTĐ-STP ngày 11/4/2023 Sở Tư pháp.

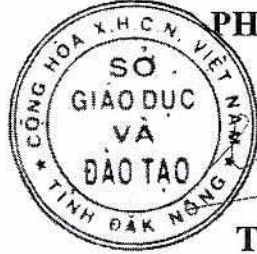
Sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Công văn số 625/SGDĐT-TCBTC ngày 18/4/2023 về việc tiếp thu, giải trình các nội dung theo Báo cáo thẩm định số 14/BCTĐ-STP ngày 11/4/2023 của Sở Tư pháp.

Vì vậy, để thuận tiện trong quá trình theo dõi các ý kiến góp ý của các sở, ngành, địa phương, đơn vị và ý kiến thẩm định Sở Tư pháp về hồ sơ dự thảo Nghị quyết nêu trên, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp báo cáo các nội dung góp ý liên quan đến hồ sơ dự thảo Nghị quyết (*theo phụ lục đính kèm*).

Trên đây là báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, địa phương đơn vị của Sở Giáo dục và Đào tạo, kính trình UBND tỉnh Đắk Nông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Lưu: VT, TCCB-TC₍₁₀₎.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Sĩ Thành
Trần Sĩ Thành

Phụ lục
TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý CỦA QUÝ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT TRÌNH HĐND TỈNH

(Kèm theo Báo cáo số 106/BC-SGDDT ngày 14/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên đơn vị	Nội dung góp ý	Ý kiến của Sở Giáo dục và Đào tạo	
			Tiếp thu chỉnh sửa	Không tiếp thu, giải trình
I	Tổng hợp ý kiến góp ý của quý cơ quan, đơn vị theo nội dung Báo cáo số 75/BC-SGDDT ngày 27/3/2023			
1	Ủy ban MTTQ tỉnh Đắk Nông	Thống nhất với dự thảo		
2	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Thống nhất với dự thảo		
3	Sở Xây dựng	Thống nhất với dự thảo		
4	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Rlấp	Thống nhất với dự thảo		
5	Sở Khoa học và Công nghệ	Thống nhất với dự thảo		
6	Ban Dân tộc	Thống nhất với dự thảo		
7	Sở Tài chính	Thống nhất với dự thảo		
8	Trường THPT Trần Phú	Thống nhất với dự thảo		
9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thống nhất với dự thảo		
10	Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện Krông Nô	Thống nhất với dự thảo		
11	Ủy ban nhân dân thành phố Gia Nghĩa	Thống nhất với dự thảo		
12	Trường Phổ thông DTNT THCS & THPT Đắk Mil	Thống nhất với dự thảo		
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	Thống nhất với dự thảo		

14	Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Ngoại ngữ tin học	Thông nhất với dự thảo		
15	Trường THPT Đắk Mil	Thông nhất với dự thảo		
16	Sở Nội vụ	Thông nhất với dự thảo		
17	Sở Công Thương	Thông nhất với dự thảo		
18	Trường THPT Lê Quý Đôn	Thông nhất với dự thảo		
19	UBND huyện Đắk Song	<p>Ủy ban nhân dân huyện cơ bản thống nhất với dự thảo; Tuy nhiên quá trình triển khai đến phụ huynh học sinh thì có 05/31 trường (<i>Trường TH: Chu Văn An, Lê Văn Tám; Trường THCS: Lý Thường Kiệt, Nguyễn Tài Thành và Trường TH& THCS Bé Văn Đạn</i>) không thống nhất với mức thu học phí theo dự thảo Nghị quyết vì lý do Mức thu quá cao so với thu nhập bình quân của hộ gia đình trong thời điểm giá cả các mặt hàng nông sản giảm mạnh như hiện nay nên không dám bảo được kinh tế để đóng học phí và mua sắm đồ dùng học tập cho con, em đến trường.</p>		<p>Ý kiến góp ý của UBND huyện Đắk Song, cơ quan soạn thảo không tiếp thu, lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thứ nhất, cơ quan soạn thảo đã dự kiến thu ở mức sàn của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để áp dụng. - Thứ hai, cơ quan soạn thảo nhận thấy mức thu dự kiến theo dự thảo là phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương. - Thứ ba, các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng (hoặc khó khăn hơn) so với huyện Đắk Song, sau khi tham gia cho ý kiến thì đồng ý với dự thảo Nghị quyết. - Thứ tư, theo ý kiến của Ủy ban MTTQ tỉnh Đắk Nông, mức thu học phí theo dự thảo là phù hợp với tình hình thực hiện trên địa bàn tỉnh.
20	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Gia Nghĩa	<p>- Về cơ bản thống nhất với dự thảo.</p> <p>- Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN thành phố Gia Nghĩa xin góp ý thêm một số nội dung sau:</p> <p>+ Tại điểm d, khoản 2, Điều 2 - Dự thảo Nghị quyết quy định: “<i>Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập đồng tại xã, phường, thị trấn không có trong danh sách các khu vực theo Quyết định số 861/QĐ-TTg thì mức thu học phí áp dụng bằng mức thu học phí tại cơ sở giáo dục ở khu vực I</i>” đề nghị cơ quan soạn thảo báo cáo cụ thể số liệu, danh sách không có trong danh sách các khu vực theo Quyết định số 861 để khi Nghị</p>		<p>Ý kiến góp ý của Ủy ban MTTQVN thành phố Gia Nghĩa, cơ quan soạn thảo không tiếp thu, lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với số liệu, danh sách không có trong danh sách các khu vực theo Quyết định số 861 cơ quan soạn thảo đã báo cáo tại mục 1 phần VI của dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách; sau khi Nghị quyết được ban hành, cơ quan soạn thảo sẽ tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết, trong đó sẽ nêu rõ 25 xã, phường thị trấn không có trong Quyết định số 861. - Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 71/71 xã phường thị trấn điều có trường tiểu học công lập đáp ứng đầy

	<p>quyết ban hành để triển khai thực hiện.</p> <p>+ Tại khoản 3, Điều 2 - Dự thảo Nghị quyết quy định: "Học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định được hỗ trợ 100% tiền đóng học phí theo mức học phí quy định tại Khoản 1 Điều này" đề nghị cơ quan soạn thảo tổng hợp các địa bàn không đủ trường công lập trên địa bàn tỉnh và xây dựng tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập trên địa bàn tỉnh làm cơ sở thực hiện miễn, giảm học phí cho đối tượng học sinh tiểu học tư thục theo quy định nêu trên.</p> <p>+ Tại khoản 5, Điều 2- Dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí hằng năm tăng 5% từ năm học 2024-2025. Đề nghị làm rõ cơ sở thực tiễn của việc đề xuất mức tăng học phí 5% hằng năm.</p>		<p>đủ yêu cầu học tập của con em trên địa bàn; vì vậy, cơ quan soạn thảo không đưa nội dung xây dựng tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập của địa phương.</p> <p>- Đối với Dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí hằng năm tăng 5% từ năm học 2024-2025: Cơ quan soạn thảo đã báo cáo tại điểm b mục 3 phần IV của dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách.</p>
--	---	--	---

II. Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp theo nội dung Công văn số 625/SGDDT-TCBTC ngày 18/4/2023

	<p>- Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết:</p> <p>* Về phạm vi điều chỉnh:</p> <p>- Tại khoản 1 Điều 1 quy định: "Nghị quyết này quy định mức thu học phí từ năm học 2023-2024 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện, Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Ngoại ngữ, Tin học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông</p>	<p>- Tiếp thu, bổ sung điều, khoản quy định cụ thể về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng trong dự thảo Nghị quyết</p>	
1	Sở Tư pháp		

	<p>(sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục công lập)”. Việc quy định cụ thể các cơ sở giáo dục thường xuyên như dự thảo là không đầy đủ, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Giáo dục 2019 thì còn có các cơ sở giáo dục thường xuyên khác như: Trung tâm học tập cộng đồng; Trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên. Và hiện nay trên địa bàn tỉnh Đắk Nông cũng có nhiều Trung tâm học tập cộng đồng tại các xã đang hoạt động (chẳng hạn 6/6 xã huyện Tuy Đức đều có Trung tâm học tập cộng đồng, Trung tâm học tập cộng đồng xã Tân Thành huyện Krông Nô,...). Do đó, theo ý kiến của cơ quan thẩm định cơ quan soạn thảo nên xem xét quy định ngắn gọn, đầy đủ là “cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh”.</p> <p>- Tại khoản 2 Điều 1 bổ sung đối tượng áp dụng là các cơ sở giáo dục công lập thu học phí cho đầy đủ.</p>		
	<p>- Tại Điều 2 về mức thu học phí cần xem xét một số nội dung sau: + Khoản 1 Điều 2: cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu để quy định cho rõ ràng, thống nhất về nội dung: mức đóng học phí thực hiện theo nơi đóng cơ sở giáo dục công lập hay theo nơi cư trú của người học tránh khó khăn, vướng mắc khi thực hiện trên thực tế (Theo như dự thảo nghị quyết thì việc đóng học phí theo nơi đóng cơ sở giáo dục</p>		<p>- Về nội dung tại khoản 1 Điều 2: Mức đóng học phí thực hiện theo nơi đóng chân hoạt động của cơ sở giáo dục công lập; thực tế có những trường hợp học sinh cư trú ở khu vực I nhưng học tại cơ sở giáo dục đóng trên địa bàn xã khu vực III, thì việc thu học phí thực hiện theo mức thu tại Khu vực III.</p>

	<p>công lập, vậy trên thực tế có những trường hợp học sinh cư trú ở khu vực I nhưng học ở khu vực III thì việc thu học phí như thế nào?).</p> <p>+ Tại điểm c, khoản 2 cần bổ sung thêm quy định: “trừ các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND” cho đầy đủ.</p> <p>+ Tại điểm đ, khoản 2 quy định: “Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập đóng tại xã, phường, thị trấn không có trong danh sách các khu vực theo Quyết định số 861/QĐ-TTg thì mức thu học phí áp dụng bằng mức thu học phí tại cơ sở giáo dục ở khu vực I”. Theo như quy định có nghĩa là những cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập nằm ngoài 46 xã vùng dân tộc thiểu số, miền núi theo Quyết định số 861/QĐ-TTg sẽ có mức thu bằng nhau và bằng với mức thu học phí tại các xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi. Về mức thu như vậy có đảm bảo phù hợp hay không trong khi các xã còn lại bao gồm cả xã thuộc khu vực I (xã đang ở mức độ có bước đầu phát triển) và xã thuộc khu vực II (xã đang khó khăn) có sự chênh nhau về điều kiện kinh tế, phát triển nhưng mức thu học phí lại bằng nhau? Do đó cơ quan soạn thảo cần rà soát, phân loại để đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện.</p> <p>- Khoản 3 Điều 2 quy định chi quy định việc miễn, giảm tiền học phí cho đối tượng là học sinh tiêu</p>	<p>- Tiếp thu theo ý kiến thẩm định</p>	<p>- Về nội dung tại điểm đ, khoản 2 Điều 2: Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg, tỉnh Đắk Nông có 46 xã, phường, thị trấn được công nhận thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (bao gồm 43 xã, 03 phường, thị trấn, cụ thể: phường Quảng Thành, thành phố Gia Nghĩa, thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nô và thị trấn Ea T'ling, huyện Cư Jút); còn lại 25 xã phường thị trấn, trong đó: có 17 xã, 08 phường, thị trấn (các phường thị trấn bao gồm: 05 phường thuộc thành phố Gia Nghĩa và 03 thị trấn tại 03 huyện) không nằm trong Quyết định số 861/QĐ-TTg áp dụng mức thu khu vực I, cơ bản đảm bảo về điều kiện kinh tế tại các xã, phường thị trấn; mặt khác, theo góp ý dự thảo Nghị quyết của các địa phương, đơn vị (hầu hết) thống nhất nội dung nêu tại điểm đ, khoản 2 Điều 2 của dự thảo Nghị quyết.</p> <p>- Về nội dung tại khoản 3 Điều 2: Sau khi xem xét các nội dung, cơ quan soạn thảo có ý kiến như sau: Theo quy định tại khoản 3 Điều 21 “Nhà nước cấp</p>
--	---	---	--

	<p>học thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền học theo học tại các trường tư thực cần xem lại cho đầy đủ, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định 81/2021/NĐ-CP: “...Nhà nước cấp trực tiếp tiền miễn, giảm học phí cho các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thực, cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học tư thực;...”. Đồng thời việc quy định “được hỗ trợ 100%” cho tất cả các đối tượng được miễn, giảm, hỗ trợ học phí... cần có sự đánh giá, xem xét cho phù hợp, khách quan hơn.</p>	<p>trực tiếp tiền miễn, giảm học phí cho các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thực, cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học tư thực; cấp trực tiếp tiền hỗ trợ đóng học phí cho gia đình học sinh tiền học tại các cơ sở giáo dục tư thực ở địa bàn không đủ trường công lập theo mức học phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tư bảo đảm chi thường xuyên tương ứng với từng vùng, từng cấp học...”; như vậy, việc nhà nước cấp tiền miễn giảm học phí cho các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thực, cơ sở giáo dục phổ thông tư thực và hỗ trợ đóng học phí cho gia đình học sinh tiền học tại các cơ sở giáo dục tư thực ở địa bàn không đủ trường công lập sẽ được áp dụng mức thu học phí quy định tại khoản 1 Điều 2 của Dự thảo Nghị quyết.</p> <p>Mặt khác, tại nội dung thứ 2 khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP có nội dung: “Khung học phí đối với giáo dục tiểu học công lập quy định tại điểm này dùng làm căn cứ để Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiền học tư thực ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiền học tư thực thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định”; vì vậy, việc quy định các nội dung tại khoản 3 Điều 2 của dự thảo Nghị quyết là đầy đủ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2 và khoản 3 Điều 20 Nghị định 81/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Về nội dung tại khoản 5 Điều 2: Sau khi xem xét các nội dung, cơ quan soạn thảo có ý kiến như sau:</p>
<p>học thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền học theo học tại các trường tư thực cần xem lại cho đầy đủ, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định 81/2021/NĐ-CP: “...Nhà nước cấp trực tiếp tiền miễn, giảm học phí cho các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thực, cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học tư thực;...”. Đồng thời việc quy định “được hỗ trợ 100%” cho tất cả các đối tượng được miễn, giảm, hỗ trợ học phí... cần có sự đánh giá, xem xét cho phù hợp, khách quan hơn.</p>		
<p>- Khoản 5, Điều 2 quy định: “Từ năm học 2024-2025 trở đi, mức thu học phí hằng năm được điều</p>		

	<p>chính tăng 5% so với mức thu quy định tại Khoản 1 Điều này; được tính mức tăng 5% hằng tháng x 9 tháng và làm tròn đến đơn vị nghìn đồng”. Việc quy định như trên cần xem xét cho phù hợp theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ:</p> <p>“Điều 9. Học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông.</p> <p>3. Khung học phí từ năm học 2023 -2024 trở đi:</p> <p>“a) Năm học 2023 - 2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chi số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trường kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm;</p> <p>b) Căn cứ khung học phí quy định tại điểm a khoản này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu học phí cụ thể nhưng không vượt mức trần quy định”.</p> <p>Như vậy, theo quy định trên thì hàng năm Chính phủ sẽ điều chỉnh khung học phí và trên cơ sở khung học phí này địa phương mới quyết định mức thu học phí cụ thể. Ngoài ra, mức học phí cũng phải trên cơ sở đánh giá việc thực hiện, điều kiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chi số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trường</p>	<p>- Thứ nhất, theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, từ năm học 2023-2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chi số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trường kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm. Như vậy, việc đề xuất tăng 5% trong dự thảo Nghị quyết là phù hợp với quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh.</p> <p>- Thứ hai, việc điều chỉnh mức học phí tăng 5% từ năm học 2024-2025 dự kiến thực hiện đến hết năm học 2026-2027, đảm bảo quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết được xuyên suốt; tránh việc hằng năm phải ban hành Nghị quyết điều chỉnh chi một nội dung.</p> <p>- Thứ ba, mức tăng học phí 5% từ năm học 2024-2025 đến hết năm học 2026-2027, sẽ không vượt quá mức trần theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, cụ thể:</p> <p>+ Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thuộc Khu vực III: Đến năm học 2026-2027, tăng 15% so với năm học 2024-2025; với mức học phí tương đương là 57.500 đồng/học sinh/tháng, đối với bậc mầm non và cấp tiểu học; trung học cơ sở; 115.000 đồng/học sinh/tháng đối với cấp trung học phổ thông.</p> <p>+ Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thuộc Khu vực II: Đến năm học 2026-2027, tăng 15% so với năm học 2024-2025; với mức học phí tương đương là 69.000 đồng/học sinh/tháng, đối với bậc mầm non và cấp tiểu học; trung học cơ sở; 138.000 đồng/học sinh/tháng đối với cấp trung học phổ thông.</p>
--	---	---

<p>kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân thì mới tham mưu HĐND ban hành nghị quyết quy định mức học phí các năm học sau. Nếu quy định cứng mức tăng cho các năm học sau là 5% thì sẽ không đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện vì điều kiện phát triển kinh tế xã hội của mỗi năm sẽ không giống nhau. Do đó, cơ quan soạn thảo cần rà soát, nghiên cứu nội dung này.</p>		<p>+ Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thuộc Khu vực I: Đến năm học 2026-2027, tăng 20% so với năm học 2024-2025; với mức học phí tương đương 80.500 đồng/học sinh/tháng đối với bậc mầm non và cấp tiểu học, trung học cơ sở; 161.000 đồng/học sinh/tháng đối với cấp trung học phổ thông.</p> <p>- Thứ tư, mức tăng 5% khi áp dụng sẽ tính ra con số chẵn để các cơ sở giáo dục thuận tiện và thống nhất trong việc triển khai thu học phí.</p>
<p>- Tại khoản 7, Điều 2 quy định: “<u>Quy định thời gian thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng: Đối với các tháng có thời gian dạy học thực tế không đủ cả tháng, trường hợp thời gian dạy học thực tế trong tháng dưới 14 ngày (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu học phí 1/2 tháng; trường hợp thời gian dạy học thực tế trong tháng từ 14 ngày trở lên (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu đủ tháng (tương ứng với mức học phí của từng vùng, từng cấp học và hình thức học thực tế). Đảm bảo nguyên tắc tổng số tháng thu học phí không vượt quá 9 tháng/năm học”</u>. Cơ quan soạn thảo cần xem xét việc quy định thời gian dạy học thực tế có bao gồm cả thời gian tổ chức dạy học trực tuyến hoặc bố trí thời gian học bù tại trường hay không, vì theo quy định tại khoản 2, Điều 12 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: “<u>Trường hợp xảy ra thiên tai,</u></p>	<p>- Tiếp thu theo ý kiến thẩm định</p>	

	<p><i>dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng thi học phí được thu theo số tháng học thực tế (bao gồm cả thời gian tổ chức dạy học trực tuyến hoặc bố trí thời gian học bù tại trường); không thu học phí trong thời gian không tổ chức dạy học”.</i></p> <p>Ngoài ra, cần nghiên cứu thêm quy định tại Điều 17 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để quy định cho phù hợp, thống nhất, đảm bảo quyền lợi chính đáng của đối tượng có liên quan:</p> <p>“Điều 17. Không thu học phí có thời hạn</p> <p><i>Khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng do cơ quan có thẩm quyền công bố; tùy theo mức độ và phạm vi thiệt hại, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định không thu học phí trong thời hạn nhất định đối với trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông công lập, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông thuộc vùng bị thiên tai, dịch bệnh, vùng xảy ra các sự kiện bất khả kháng.”</i></p>		
	<p>- Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản</p> <p>Cơ quan soạn thảo cần rà soát lại lỗi chính tả cho phù hợp với ngôn ngữ tiếng Việt, đồng thời trình bày văn bản theo đúng quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; Mẫu số 16 Phụ</p>	<p>- Tiếp thu theo ý kiến thẩm định</p>	

	<p>Lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, cụ thể:</p> <p>a) Đối với dự thảo Nghị quyết:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đề nghị không viết hoa từ “khoản” trước từ Điều tại khoản 3, khoản 5 Điều 2, trừ trường hợp viết hoa đầu dòng.- Tại phần Nơi nhận đề nghị rà soát, tránh trùng lặp (<i>Báo Đắc Nông và Đài PH&TH tỉnh</i>). <p>b) Đối với dự thảo Tờ trình:</p> <ul style="list-style-type: none">- Nội dung Tờ trình cần trình bày đầy đủ nội dung theo Mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.- Thẻ thức, kỹ thuật trình bày dự thảo Tờ trình cần thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.		
--	--	--	--